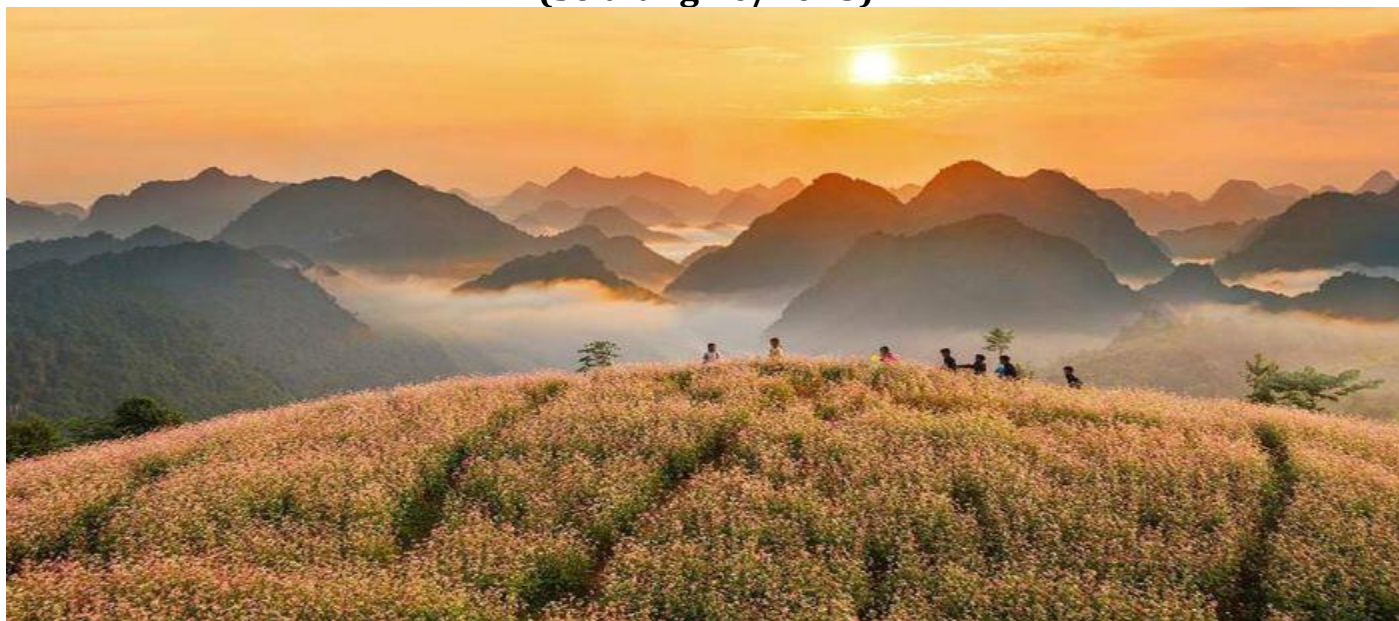


THÔNG TIN PHỤC VỤ DOANH NGHIỆP

(Số tháng 10/2025)



MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

02. Một số văn bản của các Bộ, ngành

ĐIỂM TIN

- 05. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật
- 06. Đánh giá sự phù hợp đảm bảo tính công bằng trong thương mại
- 07. Hợp tác toàn cầu bằng tiêu chuẩn: Nền tảng thực hiện mục tiêu phát triển bền vững
- 08. Ban hành 15 tiêu chuẩn quốc gia về pin lưu trữ năng lượng
- 09. Những tiêu chuẩn hỗ trợ cuộc sống hàng ngày
- 11. Hàng hóa hưởng ưu đãi lớn nhờ chứng nhận xuất xứ hợp lệ
- 12. Yêu cầu cấp bách ban hành QCVN cho dầu thực vật tinh luyện
- 13. Bộ Công an lấy ý kiến tiêu chuẩn và quy chuẩn liên quan đến an ninh mạng
- 14. Tháo gỡ vướng mắc trong hoạt động hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa
- 16. Sẽ sớm ban hành bộ tiêu chuẩn về công trình xanh
- 17. Hai doanh nghiệp đạt giải thưởng Chất lượng quốc tế châu Á - Thái Bình Dương (GPEA)
- 17. Giải pháp chuẩn hóa thuật ngữ trong dịch vụ cấp nước và xử lý nước thải với tiêu chuẩn
- 19. Kiểm soát chất nguy hại trong sản phẩm điện, điện tử theo TCVN 14462:2025
- 20. TCVN ISO 19142:2025 về dịch vụ đối tượng dữ liệu địa lý trên web
- 21. Đề xuất tiêu chuẩn đối với sản phẩm đốt than
- 22. Tiêu chuẩn mới để đo PFAS siêu ngấm trong môi trường nước
- 23. Tiêu chuẩn PPE - Bước tiến hướng tới an toàn và công bằng cho mọi người lao động
- 24. ISO 22000 được cập nhật, tăng cường khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng toàn cầu

THÔNG TIN TIÊU CHUẨN

26. Các tiêu chuẩn mới ban hành trong tháng 10/2025

❖ CHÍNH PHỦ

Ngày 14/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 262/2025/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN). Nghị định gồm 6 chương, 63 điều, áp dụng cho các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực KH&CN tại Việt Nam, cũng như các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.



1. Nội dung và phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định chi tiết các vấn đề về liên chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu; tạp chí khoa học; đánh giá chiến lược, chính sách, chương trình KH&CN; chuyển đổi số trong lĩnh vực KH&CN và đổi mới sáng tạo; các loại hình tổ chức KH&CN; điều kiện, trình tự thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức KH&CN công lập; cũng như việc công nhận trung tâm nghiên cứu và phát triển.

2. Điều kiện thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

Một tổ chức KH&CN được phép thành lập khi đáp ứng đủ ba nhóm điều kiện: về **điều lệ tổ chức, nhân lực** và **cơ sở vật chất**.

- **Điều lệ tổ chức** phải quy định rõ tên gọi, mục tiêu, chức năng, cơ cấu, quyền và nghĩa vụ, phương thức quản lý, điều kiện chia tách, sáp nhập, giải thể. Tên tổ chức phải dễ đọc, không trùng hoặc gây nhầm lẫn, không vi phạm thuần phong mỹ tục hay quyền sở hữu trí tuệ.

- **Nhân lực KH&CN:** có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên làm việc toàn thời gian, trong đó tối thiểu 30% có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực hoạt động; tổ chức nghiên cứu hoặc nghiên cứu – phát triển phải có ít nhất 01 tiến sĩ chuyên môn phù hợp; người đứng đầu phải có trình độ đại học trở lên (riêng viện công lập cần có tiến sĩ).

- **Cơ sở vật chất – kỹ thuật:** có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp trụ sở, phòng thí nghiệm, thiết bị, tài sản trí tuệ và phương tiện kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nghiên cứu.

3. Thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức KH&CN công lập

Việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các tổ chức KH&CN công lập được thực hiện theo quy định chung của Chính phủ về đơn vị sự nghiệp công lập. Riêng các tổ chức KH&CN đặc thù quy định tại Điều 46 của Luật không bắt buộc phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Tổ chức KH&CN có vốn nước ngoài và ngoài công lập

Đối với tổ chức KH&CN có vốn nước ngoài, hồ sơ thành lập gồm: đơn đề nghị theo mẫu; giấy tờ xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư; lý lịch khoa học của người đứng đầu; dự thảo điều lệ; đề án thành lập (trình bày mục tiêu, nội dung, nhân lực, tài chính...); cùng các tài liệu chứng minh điều kiện thành lập. Hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt và hợp pháp hóa lãnh sự.

Trình tự thủ tục: hồ sơ gửi đến Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh nơi đặt trụ sở. Trong 5 ngày làm việc, UBND lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan; các bộ có 10 ngày để phản hồi. Trong 35 ngày kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ, UBND xem xét và ra quyết định cho phép thành lập hoặc thông báo từ chối (nêu rõ lý do). Sau khi được cấp phép, tổ chức có vốn nước ngoài phải hoàn tất thủ tục thành lập và đăng ký giấy chứng nhận hoạt động trong vòng 60 ngày.

Đối với tổ chức KH&CN **ngoài công lập**, tổ chức hoặc cá nhân tự quyết định việc thành lập và tuân thủ các điều kiện chung nêu trên.

5. Hiệu lực thi hành

Nghị định có hiệu lực từ ngày 14 tháng 10 năm 2025./.

❖ **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Các Quyết định ban hành Tiêu chuẩn Quốc gia

Quyết định số 3022/QĐ-BKHCN (3/10/2025):

1. TCVN 10687-11:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 11: Kỹ thuật đo tiếng ồn âm thanh
2. TCVN 10687-13:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 13: Đo tải trọng cơ học
3. TCVN 10687-14:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 14: Công bố mức công suất âm thanh biểu kiến và giá trị tính âm sắc
4. TCVN 10687-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 1: Yêu cầu thiết kế
5. TCVN 10687-23:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 23: Thử nghiệm kết cấu đầy đủ của cánh rôto
6. TCVN 10687-24:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 24: Bảo vệ chống sét
7. TCVN 10687-25-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-1: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Mô tả tổng thể các nguyên lý và mô hình
8. TCVN 10687-25-2:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-2: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Mô hình thông tin
9. TCVN 10687-25-3:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-3: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Mô hình trao đổi thông tin
10. TCVN 10687-25-4:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-4: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Ánh xạ đến hồ sơ truyền thông
11. TCVN 10687-25-5:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-5: Truyền thông để giám

sát và điều khiển nhà máy điện gió – Thử nghiệm sự phù hợp

12. TCVN 10687-25-6:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-6: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Các lớp nút logic và các lớp dữ liệu để giám sát tình trạng

13. TCVN 10687-25-71:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 25-71: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Ngôn ngữ mô tả cấu hình

14. TCVN 10687-26-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 26-1: Tính khả dụng của hệ thống phát điện gió

15. TCVN 10687-27-1:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 27-1: Mô hình mô phỏng về điện – Mô hình chung

16. TCVN 10687-27-2:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 27-2: Mô hình mô phỏng điện – Xác nhận mô hình

17. TCVN 10687-4:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 4: Yêu cầu thiết kế hộp số tuabin gió

18. TCVN 10687-5:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 5: Cánh tuabin gió

19. TCVN 10687-6:2025, Hệ thống phát điện gió – Phần 6: Yêu cầu thiết kế tháp và móng

Quyết định số 2982/QĐ-BKHCN (01/10/2025):

1. TCVN 14496:2025, Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước cho nhà kho có chiều cao sắp xếp hàng hoá trên giá đỡ cao trên 5,5m đến 25m - Yêu cầu thiết kế

2. TCVN 14497:2025, Phòng cháy chữa cháy - Thiết bị báo cháy độc lập - Đầu báo cháy khói sử dụng ánh sáng tán xạ, ánh sáng truyền qua hoặc ion hoá

3. TCVN 14498:2025, Phòng cháy chữa cháy - Bình chữa cháy cố định bằng sol-khí dạng cô đặc

4. TCVN 7278-3:2025, Chất chữa cháy - Chất tạo bọt chữa cháy - Phần 3: Yêu cầu kỹ thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng để phun lên bề mặt chất lỏng cháy hòa tan được với nước

5. TCVN 7568-5:2025, Hệ thống báo cháy - Phần 5: Đầu báo cháy nhiệt kiểu điểm

6. TCVN 13316-12:2025, Phòng cháy chữa cháy - Xe ô tô chữa cháy - Phần 12: Xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên cao

Quyết định số 3208/QĐ-BKHCN (17/10/2025):

1. TCVN 14538:2025, Phòng cháy chữa cháy - Hệ thống truyền tin báo cháy

Quyết định số 2858/QĐ-BKHCN (23/9/2025):

1. TCVN 14419:2025, Lập bản đồ Địa chất công trình - Yêu cầu chung trong điều tra cơ bản địa chất

2. TCVN 14420:2025, Lập bản đồ Địa chất công trình - Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

3. TCVN 14420:2025, Lập bản đồ địa chất công trình - Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

4. TCVN 14421:2025, Lập bản đồ Địa chất thủy văn - Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

5. TCVN 14422-1:2025, Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 1: Yêu cầu chung

6. TCVN 14422-3:2025, Điều tra Địa chất vùng biển nông ven bờ (0 m - 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 3: Thành lập các loại bản đồ

7. TCVN 14422-4:2025, Điều tra Địa chất vùng biển nông ven bờ (0 m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 4. Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

8. TCVN 14422_2_2025, Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 2: Các giai đoạn thực hiện

Quyết định số 2775/QĐ-BKHCN (18/9/2025):

1. TCVN 14387:2025, Phân bón - Định lượng nấm *Penicillium* spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn

lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

2. TCVN 14388:2025, Phân bón - Định lượng nấm *Aspergillus* spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

3. TCVN 14389:2025, Phân bón - Định lượng *Bacillus laterosporus* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

4. TCVN 14390:2025, Phân bón - Định lượng *Bacillus coagulans* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

5. TCVN 14391:2025, Phân bón - Định lượng *Bacillus mycoides* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR) kết hợp giải trình tự gen

6. TCVN 14392:2025, Phân bón - Định lượng *Bacillus licheniformis* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

7. TCVN 14470:2025, Phân bón - Xác định hàm lượng axit salicylic bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

8. TCVN 14471:2025, Phân bón - Xác định hàm lượng axit lactic bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử

Quyết định số 2070/QĐ-BKHCN (07/8/2025):

1. TCVN 14394-1:2025, Thử nghiệm chịu lửa - Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí - Phần 1: Van ngăn cháy cơ khí

2. TCVN 14394-2:2025, Thử nghiệm chịu lửa - Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí - Phần 2: Van ngăn cháy trương phồng

Quyết định số 2239/QĐ-BKHCN (16/8/2025):

1. TCVN 14332:2025, Thép không gỉ dùng làm linh kiện trong thiết bị điện và điện tử gia dụng./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

Để hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phát huy hiệu quả, vai trò quản lý của nhà nước là hết sức quan trọng. Nhà nước không chỉ là cơ quan ban hành, hướng dẫn và giám sát việc thực thi, mà còn là chủ thể kiến tạo môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế.



Trong nền kinh tế hiện đại, tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm chất lượng sản phẩm, an toàn cho người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và thúc đẩy năng lực cạnh tranh quốc gia. Để hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phát huy hiệu quả, vai trò quản lý của nhà nước là hết sức quan trọng.

Nhà nước không chỉ là cơ quan ban hành, hướng dẫn và giám sát việc thực thi, mà còn là chủ thể kiến tạo môi trường pháp lý minh bạch, đồng bộ, phù hợp với thông lệ quốc tế, qua đó góp phần định hướng sản xuất, nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ và hỗ trợ tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu.

Theo Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, đối tượng quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật bao gồm:

Thứ nhất là Tiêu chuẩn (TCVN): Văn bản quy định yêu cầu kỹ thuật tự nguyện áp dụng,

là cơ sở cho đánh giá sự phù hợp, nâng cao năng suất - chất lượng. TCVN do Bộ KH&CN công bố, có thể chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế, khu vực hoặc nước ngoài tương đương.

Thứ hai là Quy chuẩn kỹ thuật (QCVN): Văn bản quy định yêu cầu kỹ thuật bắt buộc áp dụng, bảo đảm an toàn, sức khỏe, môi trường, lợi ích công cộng. QCVN do Bộ quản lý ngành ban hành.

Thứ ba là Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP): UBND cấp tỉnh ban hành. QCĐP áp dụng trong phạm vi địa phương, phục vụ quản lý các lĩnh vực đặc thù (môi trường, xây dựng, du lịch, sản phẩm nông nghiệp...).

Bên cạnh đó, mục đích quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật là tạo nền tảng kỹ thuật cho quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, hạ tầng, dịch vụ; Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, AI, phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn; hài hòa tiêu chuẩn, quy chuẩn với quốc tế (ISO, IEC, ASEAN...) để hỗ trợ thương mại, đầu tư, hội nhập; Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp giữa Bộ KH&CN, các Bộ ngành và chính quyền địa phương; Bảo đảm an toàn, sức khỏe con người, bảo vệ môi trường, quốc phòng an ninh.

Hiện nay, Nhà nước đang triển khai đồng bộ nhiều công cụ và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Nổi bật là Cơ sở dữ liệu quốc gia về TCVN, QCVN, QCĐP - nền tảng cho phép tra cứu, cập nhật và quản lý trực tuyến hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, góp phần hoàn thiện

công cụ quản lý chất lượng và an toàn tại địa phương.

Cổng TBT Việt Nam đóng vai trò cảnh báo sớm các rào cản kỹ thuật trong thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế. Hệ thống công nhận - thừa nhận (VILAS, APAC, ILAC, IAF) giúp nâng cao năng lực thử nghiệm, chứng nhận, cải thiện hạ tầng chất lượng và gia tăng uy tín hàng hóa Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Ngoài ra, các chương trình hợp tác quốc tế (ISO, IEC, APEC, ASEAN...) góp phần đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao công nghệ và cập nhật xu hướng tiêu chuẩn hóa quốc tế, tạo nền tảng vững chắc cho việc hiện đại hóa và hội nhập trong công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật./.

0

ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP ĐẢM BẢO TÍNH CÔNG BẰNG TRONG THƯƠNG MẠI

Đánh giá sự phù hợp chính là cầu nối giữa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật với thực tế sản xuất, kinh doanh. Hoạt động này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thúc đẩy thương mại công bằng.



Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ trở thành yếu tố sống còn đối với doanh nghiệp Việt Nam. Một trong những công cụ quan trọng giúp thực hiện mục tiêu này chính là hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Cụ thể, đánh giá sự phù hợp là việc xác định đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phù hợp với đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý quy định trong tiêu chuẩn tương ứng và quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Đánh giá sự phù hợp bao gồm hoạt động thử nghiệm, hiệu chuẩn, giám định, chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy, công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy, công nhận năng lực phòng thử nghiệm, phòng hiệu chuẩn, tổ chức chứng nhận sự phù hợp, tổ chức giám định.

Các chuyên gia trong lĩnh vực này cho biết, đối tượng của hoạt động đánh giá sự phù hợp, bao gồm: Thứ nhất là đối tượng được đánh giá sự phù hợp - Sản phẩm, hàng hóa: Bao gồm sản phẩm sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu, hàng hóa xuất khẩu theo yêu cầu của thị trường. Quá trình, hệ thống, dịch vụ: Quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, an toàn (ISO 9001, ISO 14001, ISO 22000...). Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Là căn cứ pháp lý, kỹ thuật để xác định sự phù hợp, gồm TCVN, QCVN hoặc tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, cơ sở tương ứng.

Thứ hai là tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đánh giá sự phù hợp - Tổ chức đánh giá sự phù hợp: Tổ chức thử nghiệm (theo ISO/IEC 17025); Tổ chức giám định (theo ISO/IEC 17020); Tổ chức chứng nhận (theo ISO/IEC 17065, ISO/IEC 17021); Tổ chức công nhận (theo ISO/IEC 17011). Tổ chức, cá nhân được đánh giá: Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, dịch vụ có sản phẩm hoặc hệ thống cần chứng nhận, công bố hợp chuẩn, hợp quy. Cơ quan quản lý nhà nước: Có trách nhiệm

quản lý, chỉ định, thừa nhận, thanh tra, kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp.

Nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động đánh giá sự phù hợp bao gồm nhiều mục tiêu trọng tâm. Trong đó, Nhà nước ban hành và hướng dẫn áp dụng quy định pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến đánh giá sự phù hợp; Tổ chức, quản lý việc chỉ định, thừa nhận và công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp; Thanh tra, kiểm tra, đánh giá năng lực và hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tổ chức công nhận; Quản lý, chia sẻ và công khai thông tin về đánh giá sự phù hợp; Hợp tác quốc tế và thừa nhận lẫn nhau trong hoạt động đánh giá sự phù hợp; Thanh tra, kiểm tra, xử lý

vi phạm và giải quyết khiếu nại, tranh chấp trong đánh giá sự phù hợp.

Có thể nói, đánh giá sự phù hợp chính là cầu nối giữa hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật với thực tế sản xuất, kinh doanh. Hoạt động này góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và thúc đẩy thương mại công bằng. Xu thế toàn cầu hóa và chuyển đổi số đòi hỏi chúng ta tiếp tục hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực tổ chức đánh giá và tăng cường công nhận quốc tế. Đây cũng là hướng đi tất yếu giúp Việt Nam hội nhập và phát triển bền vững../.
O

HỢP TÁC TOÀN CẦU BẰNG TIÊU CHUẨN: NỀN TẢNG THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Việc tạo dựng và áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về dữ liệu, thống kê, công nghệ thông tin và các hình thức đầu tư đóng vai trò như “khung nối” giữa các quốc gia, khu vực.



Báo cáo tại diễn đàn Chính trị Cấp cao Liên Hợp Quốc về Phát triển Bền vững hồi tháng 7/2025 cho thấy doanh thu chính phủ ở hơn 130 quốc gia năm

2023 chiếm khoảng 1/3 GDP toàn cầu, nhưng thuế chỉ đạt 18% GDP ở các nền kinh tế đang phát triển. Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ các quốc gia thuộc khối OECD trong năm 2024 giảm 7,1% xuống còn khoảng 212,1 tỷ USD – lần giảm đầu tiên trong 5 năm.

Về công nghệ thông tin và truyền thông (ICT), đăng ký bằng thông rộng cố định trên 100 người dân tăng với tốc độ khoảng 6,3%/năm từ 2015–2024, nhưng vẫn chỉ đạt 20 lượt đăng ký/100 dân năm 2024 và thấp hơn ở các quốc gia thu nhập thấp. Chi phí phục vụ nợ của các quốc gia thu nhập thấp và trung bình năm 2023 đạt mức kỷ lục 1,4 nghìn tỷ USD, đặt ra thách thức to lớn cho khả năng huy động nguồn lực phát triển bền vững.

Vai trò của tiêu chuẩn

Trong bối cảnh các con số trên phản ánh khoảng cách lớn giữa cam kết và thực tiễn, tiêu chuẩn và đo lường không chỉ là “khung lý thuyết” mà trở thành công cụ vận hành mang tính quyết định.

Tiêu chuẩn về dữ liệu và đo lường: Việc mỗi quốc gia xây dựng bộ số liệu thống kê quốc gia, định chuẩn cách thức thu thập, phân loại và báo cáo là bước đầu tiên để tạo độ tin cậy, minh bạch trong hợp tác quốc tế.

Tiêu chuẩn công nghệ – số hóa và kết nối: Khi nền tảng CNTT và truyền thông được nâng cấp theo tiêu chuẩn quốc tế, việc chia sẻ dữ liệu, tiếp cận nguồn lực và ứng dụng đổi mới sáng tạo sẽ được mở rộng, góp phần thu hẹp khoảng cách số.

Tiêu chuẩn tài chính – minh bạch và hiệu quả: Đầu tư quốc tế, ODA, và các công cụ tài chính hỗ trợ phát triển cần tuân thủ tiêu chuẩn cao về minh bạch, quản trị rủi ro và phối hợp quốc tế để tránh tình trạng nợ xấu, đầu tư kém hiệu quả hoặc tài trợ bị phân mảnh.

Hợp tác toàn cầu theo tiêu chuẩn

Phiên họp HLPF 2025 sẽ mở chuyên đề riêng về “mở khóa các phương tiện thực hiện”, trong đó tiêu chuẩn sẽ là một trong những trục chính. Các nội dung được đề cập gồm: tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT theo chuẩn quốc tế, thúc đẩy đầu tư tư nhân thông qua công cụ tài chính mới và giảm chi phí vốn ở các quốc gia đang phát triển.

Việc thực hiện những mục tiêu này không thể thiếu khung tiêu chuẩn quốc tế rõ ràng, được quốc tế chấp nhận và tuân thủ.

Đặc biệt, thông qua sáng kiến như Pact for the Future và các nhóm chuyên gia độc lập, Liên Hợp Quốc đang xúc tiến xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững “vượt và bổ sung” GDP, một bước tiến quan trọng nhằm thiết lập tiêu chuẩn đánh giá tiến độ phát triển.

Vai trò của tiêu chuẩn trong thực hiện SDG 17 không thể xem nhẹ. Đó không chỉ là thủ tục hành chính mà chính là bộ khung công cụ để tăng tính liên kết, hiệu quả và bền vững trong hợp tác toàn cầu. Khi mỗi quốc gia, mỗi tổ chức và mỗi doanh nghiệp tham gia đều tuân thủ và vận hành theo tiêu chuẩn chung — từ dữ liệu, công nghệ đến tài chính — thì khả năng “không ai bị bỏ lại phía sau” mới có thể trở thành hiện thực.

Việc tái khởi động quan hệ đối tác toàn cầu hôm nay chính là việc khởi động một hành trình dài, trong đó tiêu chuẩn đóng vai trò chất xúc tác và kim chỉ nam cho phát triển bền vững./.

0

BAN HÀNH 15 TIÊU CHUẨN QUỐC GIA VỀ PIN LƯU TRỮ NĂNG LƯỢNG

Việc ban hành bộ 15 tiêu chuẩn quốc gia về pin lưu trữ năng lượng không chỉ đặt nền tảng kỹ thuật cho lĩnh vực mới mẻ này mà còn khẳng định quyết tâm của Việt Nam trong xây dựng ngành công nghiệp năng lượng lưu trữ hiện đại, an toàn và hội nhập quốc tế.

Pin lưu trữ điện năng đang trở thành mắt xích thiết yếu trong quá trình chuyển dịch năng lượng của Việt Nam. Khi nguồn năng lượng tái tạo phát triển mạnh, vấn đề không còn chỉ là tạo ra điện, mà còn là làm thế nào để giữ, điều hòa và sử dụng hiệu quả nguồn điện đó.

Trong bối cảnh hệ thống điện quốc gia ngày càng phụ thuộc vào các nguồn năng lượng biến động như gió và mặt trời, việc phát triển công nghệ lưu trữ điện trở thành yêu cầu cấp

bách. Pin lưu trữ giúp cân bằng cung-cầu, giảm áp lực lên lưới điện, hạn chế rủi ro mất cân bằng tải, đồng thời tạo điều kiện để năng lượng tái tạo có thể hòa lưới một cách ổn định và hiệu quả hơn.

Không chỉ giữ vai trò ổn định lưới điện, công nghệ lưu trữ còn là trụ cột của an ninh năng lượng quốc gia. Một quốc gia muốn phát triển bền vững phải có khả năng tự chủ về năng lượng. Khi hệ thống pin lưu trữ được đầu tư và quản lý tốt, Việt Nam sẽ có khả năng điều tiết sản lượng điện - dự trữ khi thừa, sử dụng khi thiếu - giảm phụ thuộc vào nguồn điện nhập khẩu hoặc nhiên liệu hóa thạch.

Việc xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về pin lưu trữ điện năng được xem là bước đi không thể thiếu. Một bộ tiêu chuẩn đồng bộ



giúp xác lập nền tảng kỹ thuật, quy trình thử nghiệm, vận hành và bảo đảm an toàn cho toàn bộ hệ thống. Đó là khung pháp lý cần thiết để doanh nghiệp đầu tư, cơ quan quản lý giám sát và xã hội yên tâm phát triển công nghệ mới.

Hệ thống tiêu chuẩn mới bao quát toàn bộ vòng đời của pin lưu trữ: từ khâu thiết kế, thử nghiệm, vận hành, đến đánh giá tác động môi trường và bảo đảm an toàn trong suốt quá trình sử dụng. Các tiêu chuẩn này không chỉ dựa trên khung quốc tế mà còn được điều chỉnh phù hợp với điều kiện khí hậu, hạ tầng và năng lực công nghiệp của Việt Nam. Đây chính là tiền đề để Việt Nam vừa tiếp cận công nghệ toàn cầu, vừa xây dựng được nền công nghiệp lưu trữ mang bản sắc riêng.

Quá trình xây dựng và thẩm định bộ 15 tiêu chuẩn này tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa, đồng thời Việt Nam hóa toàn bộ thuật ngữ và cấu trúc kỹ

thuật để phù hợp với thực tế trong nước. Mỗi tiêu chuẩn đều được đối chiếu, điều chỉnh và tham chiếu từ hệ thống tiêu chuẩn quốc tế, bảo đảm tính tương thích toàn cầu nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu vận hành, môi trường và an toàn của Việt Nam.

Tuy nhiên, theo các chuyên gia, Việt Nam vẫn còn nhiều việc phải làm. Cần tiếp tục bổ sung tiêu chuẩn thử nghiệm riêng cho từng thành phần thiết bị như pin,

bộ chuyển đổi năng lượng, hệ thống phụ trợ, phòng cháy chữa cháy, điều hòa không khí, SCADA và hệ thống bảo vệ. Cùng với đó, cần xây dựng hướng dẫn vận hành, bảo trì và phối hợp giữa hệ thống lưu trữ với lưới điện nhằm tối ưu hóa hiệu suất và kéo dài tuổi thọ công trình.

Việc hoàn thiện và ban hành bộ 15 tiêu chuẩn quốc gia này được giới chuyên môn đánh giá là cột mốc quan trọng, giúp Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn chuẩn hóa lĩnh vực lưu trữ điện năng. Bộ tiêu chuẩn mở ra cơ hội phát triển công nghiệp năng lượng lưu trữ trong nước, đồng thời là “chìa khóa” để hội nhập quốc tế trong chuỗi cung ứng năng lượng mới.

Đây là tiền đề quan trọng giúp Việt Nam tiến gần hơn tới các mục tiêu về an ninh năng lượng, phát triển bền vững và “phát thải ròng bằng không” (net zero) vào năm 2050./.

0

NHỮNG TIÊU CHUẨN HỖ TRỢ CUỘC SỐNG HÀNG NGÀY

Từ con đường mà chúng ta đi lại, các thiết bị trong ngôi nhà cho đến thực phẩm trên bàn ăn - tiêu chuẩn hiện diện ở khắp mọi nơi hỗ trợ cho cuộc sống tốt đẹp hơn.

ISO/TS 18718 và 18721: Xác định chức năng của đất

Hàng ngày, chúng ta thường không để ý đến đất nhưng dưới chân chúng ta là một thế giới phong phú, ẩn chứa sự sống đa dạng. Từ vi

sinh vật đến động vật có vú, đất được xem là nơi cư trú của hơn một nửa số loài trên hành tinh, khiến nó trở thành môi trường sống đa dạng sinh học nhất. Đất khỏe mạnh là nền tảng cho sự tồn tại của con người, nhưng làm thế nào để xác định được sức khỏe của đất? Các tiêu chuẩn có thể cung cấp giải pháp!

ISO hiện đang phát triển hai tiêu chuẩn kỹ thuật mới (ISO/TS 18718 và 18721) với mục

tiêu thiết lập các định nghĩa và mô tả về chức năng của đất cũng như các dịch vụ hệ sinh thái liên quan. Bên cạnh đó, tiêu chuẩn này cũng sẽ cung cấp hướng dẫn về các chỉ số và phương pháp đánh giá để xác định chất lượng đất.

EN 197-1: Cách mạng ngành công nghiệp xi măng

Sản xuất xi măng và bê tông hiện đang chiếm tới 8% tổng lượng khí CO₂ phát thải trên toàn cầu – một con số gây sốc khi xét đến việc đã có những lựa chọn thay thế có carbon thấp và không có carbon, vừa có thể mở rộng quy mô vừa hiệu quả về chi phí. Để biến những lựa chọn này thành tiêu chuẩn, việc cập nhật mạnh mẽ các tiêu chuẩn sản xuất xi măng và bê tông, bao gồm cả tiêu chuẩn châu Âu EN 197-1, là điều cần thiết.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu và đổi mới, các tiêu chuẩn hiện tại vẫn chủ yếu được thiết kế cho việc sản xuất xi măng Portland truyền thống. Những tiêu chuẩn này được xây dựng trước khi việc giảm phát thải carbon trở thành mục tiêu cốt lõi, do đó, chúng dựa trên công thức cố định và hạn chế chúng ta sử dụng xi măng và bê tông có carbon cao.

Chúng ta đang ở trong tình thế cấp bách cần phải giảm khí thải carbon trong ngành công nghiệp này. Đây chính là lý do mà ECOS đang

thúc đẩy các tổ chức tiêu chuẩn hóa cải thiện EN 197-1, nhằm hướng tới lợi ích cho con người và hành tinh. Bằng cách chuyển sang phương pháp dựa trên hiệu suất, chúng ta có thể mở rộng việc sản xuất xi măng và bê tông nhằm sử dụng nhiều vật liệu bền vững hơn, góp phần làm cho xi măng trở nên xanh hơn!

EN 50491-12-2: Giải pháp thông minh cho sử dụng năng lượng

Tiêu chuẩn EN 50491-12-2 đang đóng vai trò quan trọng trong việc giảm nhu cầu điện năng và chi phí cho người tiêu dùng trong các thời điểm cao điểm. Tiêu chuẩn này quản lý các luồng điện trong các tòa nhà, bao gồm cả việc trao đổi với trạm sạc xe điện, thiết bị gia đình, bơm nhiệt và các tấm pin năng lượng mặt trời. Nhờ vào những tín hiệu từ lưới điện và sở thích của người sử dụng, chúng ta có thể lựa chọn thời điểm tiêu thụ năng lượng nhiều nhất.

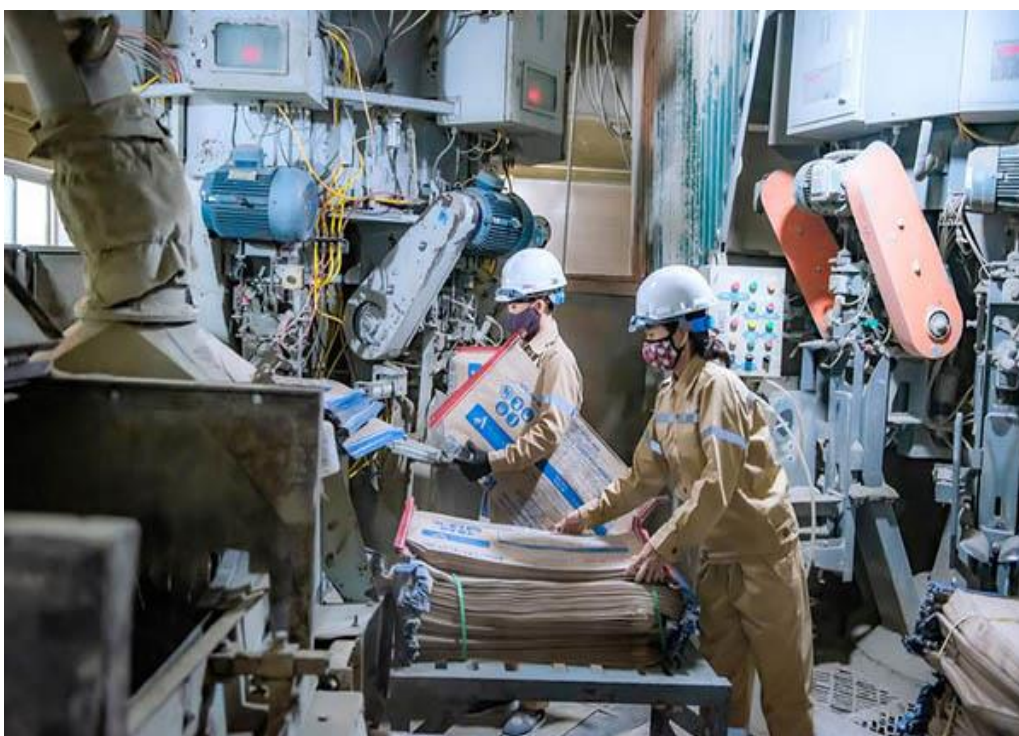
Trong bối cảnh nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao, việc có một lưới điện thông minh và linh hoạt là vô cùng cần thiết. Lưới điện này có khả năng ứng phó hiệu quả khi chúng ta trở về nhà sau giờ làm việc, sạc xe điện hoặc bật hệ thống sưởi vào những ngày lạnh đầu tiên của năm. Tiêu chuẩn EN 50491-12-2 chính là giải pháp cho vấn đề này!

Khi được triển khai, các phương tiện điện

và thiết bị gia dụng sẽ giúp ổn định lưới điện, thay vì gây quá tải, đồng thời tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng tái tạo. Thành công của tiêu chuẩn này ở cấp độ châu Âu đã dẫn đến việc nó được thảo luận tại cấp độ toàn cầu bởi IEC, với mục tiêu hiện thực hóa lưới điện thông minh cho ngày càng nhiều người dân.

CEN/TC

205/WG17: Hướng



tới khẩu trang tái sử dụng an toàn và bền vững

Một tiêu chuẩn khẩu trang mới đang được phát triển (CEN/TC 205/WG17) với mục tiêu làm cho khẩu trang tái sử dụng trở thành lựa chọn phổ biến. Khẩu trang bảo vệ chống nhiễm khuẩn đã trở thành một phần thiết yếu của trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) trong cuộc chiến chống lại sự lây lan của bệnh tật – điều mà chúng ta đã nhận thức rõ trong suốt đại dịch COVID-19.

Tuy nhiên, khẩu trang dùng một lần lại tạo ra lượng lớn rác thải. Trong khi nhiều sản phẩm nhựa sử dụng một lần đã được thay thế thành công bằng các lựa chọn tái sử dụng, khẩu trang vẫn chưa được xem xét đầy đủ cho khả

năng tái sử dụng. Việc bao gồm các lựa chọn tái sử dụng trong tiêu chuẩn CEN/TC 205/WG17 có thể góp phần thúc đẩy việc sử dụng khẩu trang tái sử dụng.

Bằng cách áp dụng các tiêu chuẩn để giải quyết tác động môi trường và sức khỏe liên quan đến dòng chất thải mới này, chúng ta có thể giảm thiểu lượng PPE dùng một lần không cần thiết mà vẫn đảm bảo an toàn. Việc tái sử dụng an toàn khẩu trang có tiềm năng lớn trong việc giảm hàng tấn rác thải và là ví dụ điển hình cho thấy các tiêu chuẩn có thể giúp giải quyết các thách thức toàn cầu và đối phó với những vấn đề mới nổi./.

0

HÀNG HÓA HƯỞNG ƯU ĐÃI LỚN NHỜ CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HỢP LỆ

Xuất xứ hàng hóa chính là “tấm hộ chiếu” để sản phẩm Việt Nam bước vào các thị trường xuất khẩu và tận dụng ưu đãi thuế quan. Giống như công dân có hộ chiếu và visa khi đi nước ngoài, hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi cũng phải có giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ.

Hiện nay, chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) giữ vai trò quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế, giúp hàng hóa được hưởng ưu đãi thuế quan, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị

trường xuất nhập khẩu.

Theo bà Trần Thanh Bình - Trưởng phòng Xuất xứ hàng hoá, Cục Xuất nhập khẩu, Bộ Công Thương, công tác quản lý hàng hóa hiện chia thành hai mảng: Lưu thông trong nước và xuất nhập khẩu. Với hàng hóa trong nước, trọng tâm là định danh và truy xuất nguồn gốc. Hàng hóa xuất khẩu yêu cầu bắt buộc là xác định xuất xứ.

Xuất xứ hàng hóa chính là “tấm hộ chiếu” để sản phẩm Việt Nam bước vào các thị trường xuất khẩu và tận dụng ưu đãi thuế quan. Giống như công dân có hộ chiếu và visa khi đi nước ngoài, hàng hóa muốn được hưởng ưu đãi cũng phải có giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ.

Thực tế cho thấy sự khác biệt về thuế quan nhờ chứng nhận xuất xứ mang lại lợi thế rất lớn. “Gạo Việt Nam xuất khẩu sang EU nếu không có giấy chứng nhận xuất xứ, phải chịu thuế 175 Euro/tấn; nhưng nếu có giấy chứng nhận hợp lệ, thuế suất giảm xuống 0%. Điều này giúp doanh nghiệp Việt tăng sức cạnh tranh trên thị trường”, bà Trần



Thanh Bình ví dụ.

Bà Trần Thanh Bình cũng khuyến nghị doanh nghiệp cần tuân thủ nghiêm quy định về xuất xứ, bởi việc gian lận hồ sơ có thể dẫn đến rủi ro lớn khi cơ quan nhập khẩu kiểm tra và

truy thu thuế. Ngược lại, minh bạch và đúng quy định sẽ giúp doanh nghiệp hưởng ưu đãi thuế quan ổn định, phát triển bền vững./.

0

YÊU CẦU CẤP BÁCH BAN HÀNH QCVN CHO DẦU THỰC VẬT TINH LUYỆN

Tại hội thảo “Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dầu thực vật tinh luyện” do Bộ Công Thương chủ trì mới đây, các chuyên gia và doanh nghiệp đã cùng chỉ rõ: việc xây dựng quy chuẩn riêng biệt cho dầu thực vật tinh luyện không còn là lựa chọn mà là yêu cầu cấp bách trong bối cảnh hội nhập và tiêu dùng trong nước ngày càng nâng cao.



Cụ thể, dầu thực vật tinh luyện – gồm các loại như dầu cọ, dầu đậu nành, dầu hướng dương – vừa là thực phẩm thiết yếu trong bữa ăn hàng ngày, vừa là nguyên liệu quan trọng cho ngành chế biến thực phẩm và dịch vụ ăn uống. Tuy nhiên, hiện Việt Nam vẫn chưa có một bộ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia (QCVN) riêng dành cho sản phẩm này; các doanh nghiệp vẫn áp dụng tiêu chuẩn chung đối với dầu thực vật chưa tinh luyện như TCVN

7597:2007 hoặc các QCVN khác về an toàn thực phẩm.

Sự thiếu hụt khung pháp lý riêng dẫn tới việc kiểm soát chất lượng và an toàn cho dầu tinh luyện bị hạn chế, trong khi yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và phù hợp tiêu chuẩn quốc tế đang ngày một tăng. Hơn nữa, sản phẩm dầu tinh luyện có đặc thù riêng về xử lý - như khử màu, khử mùi, loại

bổ axit béo tự do, peroxide và các tạp chất – khác biệt cơ bản so với dầu chưa tinh luyện. Do đó, một tiêu chuẩn chung cho cả hai loại sẽ không thể phản ánh đúng tính chất và mức độ kiểm soát cần thiết của dầu tinh luyện.

Một trong những lý do then chốt được nêu ra là: an toàn sức khỏe cộng đồng. Với tần suất sử dụng dầu thực vật tinh luyện rất lớn trong đời sống, chất lượng sản phẩm ảnh hưởng trực tiếp tới người tiêu dùng và đến uy tín hàng Việt Nam trên thị trường quốc tế. Hơn nữa, trong bối

cảnh Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do – đòi hỏi các sản phẩm xuất khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt – việc thiếu quy chuẩn riêng càng khiến doanh nghiệp gặp rào cản khi xuất khẩu.

Ông Trương Thanh Hoài – Thứ trưởng Bộ Công Thương nhấn mạnh việc ban hành QCVN về dầu thực vật tinh luyện “là yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo an toàn cho sức khỏe cộng đồng; nâng cao chất lượng sản phẩm; tạo minh

bạch và công bằng trong sản xuất, kinh doanh; đồng thời hỗ trợ hội nhập quốc tế và tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm Việt Nam”.

Theo đó, dự thảo quy chuẩn được xây dựng trên nguyên tắc: bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng; phù hợp với thực tế sản xuất – kinh doanh – nhập khẩu tại Việt Nam; tuân thủ tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế; cập nhật khuyến nghị quản lý nguy cơ của các cơ quan chức năng trong và ngoài nước. Song song với việc

hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ thuật (chỉ số chất lượng, giới hạn tạp chất, kiểm soát axit béo trans, glycidyl esters, 3-MCPD...) là việc điều chỉnh cơ chế quản lý, chứng nhận hợp quy, ghi nhãn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc và giám sát sau khi đưa ra thị trường. Việc này được xem như nền móng pháp lý giúp ngành dầu thực vật tinh luyện phát triển bền vững./.

0

BỘ CÔNG AN LẤY Ý KIẾN TIÊU CHUẨN VÀ QUY CHUẨN LIÊN QUAN ĐẾN AN NINH MẠNG

Bộ Công an đã hoàn thành xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an ninh mạng cho hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử và Tiêu chuẩn quốc gia An ninh mạng - Tường lửa - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản để lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.



Đối với Tiêu chuẩn quốc gia An ninh mạng - Tường lửa - Yêu cầu kỹ thuật cơ bản, dự thảo quy định các yêu cầu kỹ thuật cần thiết cho sản phẩm tường lửa bảo vệ an ninh mạng cho các cơ quan nhà nước và hệ thống thông tin quan trọng về an ninh.

Đồng thời, dự thảo Tiêu chuẩn này cũng quy định các yêu cầu chức năng đối với sản phẩm tường lửa nhằm đảm bảo chất lượng của sản phẩm, phù hợp với mục tiêu bảo vệ mạng máy tính và hệ thống thông tin trước các mối

đe dọa trên không gian mạng. Dự thảo Tiêu chuẩn tạo cơ sở kỹ thuật cho công tác thẩm định, đánh giá tường lửa của các cơ quan quản lý, đồng thời hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp triển khai tường lửa phù hợp với yêu cầu an ninh mạng quốc gia.

Để đạt hiệu quả bảo vệ ở mức cao nhất, khuyến khích cơ quan, tổ chức chủ quản hệ thống thông tin triển khai tường lửa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu quy định trong tiêu chuẩn này, kết hợp với các biện pháp quản lý, kỹ thuật và vận hành an toàn thông tin khác...

Còn đối với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an ninh mạng cho hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử, dự thảo Quy chuẩn này quy định các yêu cầu kỹ thuật đảm bảo an ninh mạng cho hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và chỉ áp dụng cho tài liệu sau khi đã được đưa/ tích hợp vào hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử.

Dự thảo Quy chuẩn này được áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, cung cấp, kinh doanh, khai thác hệ thống thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn này.

Để áp dụng Quy chuẩn kỹ thuật này cho việc quản lý tài liệu điện tử, tổ chức phải áp

dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật và quản lý để đảm bảo tính toàn vẹn và khả năng lưu trữ lâu dài của tài liệu.

Hệ thống thông tin thu thập tài liệu điện tử (sau đây gọi là hệ thống) phải thực hiện một chính sách lưu trữ đã xác định trước (tham khảo tại phụ lục A).

Hệ thống có chức năng thu thập bao gồm việc tiếp nhận và xử lý tài liệu điện tử để đưa vào lưu trữ.

Đối với tài liệu bản cứng, bắt buộc phải quét và lập chỉ mục trước khi đưa/ tích hợp vào hệ thống.

Dữ liệu tham chiếu của tài liệu trong hệ thống tệp hoặc cơ sở dữ liệu không được phép

xóa, thay đổi hoặc thay thế.

Các biện pháp và quy trình quản lý bảo mật của hệ thống phải đáp ứng tối thiểu các yêu cầu về kiểm soát được toàn bộ quá trình lưu trữ tài liệu điện tử. Đồng thời, phải có khả năng ngăn chặn hoặc phát hiện các hành vi sửa đổi trái phép đối với tài liệu và các siêu dữ liệu liên quan; đảm bảo tính toàn vẹn của dấu vết kiểm toán và nhật ký hệ thống.

Ngoài ra, dự thảo Quy chuẩn cũng quy định rõ, một hệ thống đạt chuẩn phải có đủ 04 đặc tính gồm: Khả năng lưu trữ lâu dài; Tính toàn vẹn; Tính bảo mật; Tính truy vết, khả năng truy xuất nguồn gốc./.

0

THÁO GỠ VƯỚNG MẮC TRONG HOẠT ĐỘNG HỢP CHUẨN, HỢP QUY SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ đạo, rà soát kỹ các quy định pháp luật hiện hành để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của pháp luật liên quan đến hợp chuẩn, hợp quy.

Thủ tướng Phạm Minh Chính đã chủ trì cuộc họp của Thường trực Chính phủ làm việc với các hội, hiệp hội và doanh nghiệp về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong hoạt động hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm, hàng hóa.

Thủ tướng cho biết, thời gian gần đây, đã

nhận được nhiều kiến nghị của các hiệp hội, các doanh nghiệp về công tác tiêu chuẩn hóa, quy chuẩn kỹ thuật, đánh giá sự phù hợp của nước ta với nhiều nước trên thế giới.

Sau khi nghe các báo cáo, ý kiến, Thủ tướng Phạm Minh Chính nhấn mạnh thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp cùng các bộ, cơ quan, các hội, hiệp hội và doanh nghiệp để rà soát, xây dựng, trình Quốc hội thông qua 2 luật quan trọng là Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật, Luật Chất lượng

sản phẩm, hàng hóa, tạo hành lang pháp lý mới, khắc phục những chông chéo, bất cập lâu nay trong hoạt động hợp chuẩn, hợp quy. Đối mới tư duy quản lý, các luật sửa đổi đã chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” có trọng tâm, trọng điểm, theo cách tiếp cận mới là quản lý rủi ro, chỉ duy trì các biện pháp bắt buộc đối với sản phẩm, hàng hóa có rủi ro trung bình và cao, miễn công bố hợp quy đối với các sản phẩm đã đáp



ứng đầy đủ yêu cầu quản lý chất lượng theo các luật chuyên ngành; đẩy mạnh chuyển đổi số, đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, công bố công khai trên môi trường số... thể hiện chủ trương cắt giảm tối đa thủ tục hành chính không cần thiết, giảm chi phí tuân thủ, giảm thủ tục chồng chéo, tăng tính tự chủ và trách nhiệm của doanh nghiệp, phù hợp thông lệ quốc tế.

Thủ tướng yêu cầu Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, các bộ, cơ quan liên quan rà soát kỹ các quy định pháp luật hiện hành để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của pháp luật liên quan đến hợp chuẩn, hợp quy.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, trình Chính phủ sớm ban hành nghị định hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; lưu ý, có tiêu chuẩn quốc tế thì nghiên cứu, áp dụng và công bố công khai; quy định truy xuất nguồn gốc công khai, minh bạch. Bộ Khoa học và Công nghệ là đầu mối tập hợp tình hình hiện nay, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong hoạt động hợp chuẩn, hợp quy sản phẩm hàng hóa; đặc biệt chú ý lắng nghe, tiếp thu các ý kiến của người dân, doanh nghiệp.

Các bộ ngành liên quan khẩn trương rà soát các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành (khoảng 824 quy chuẩn), phân loại theo mức độ rủi ro của sản phẩm, hàng hóa để điều chỉnh, sửa đổi hoặc bãi bỏ phù hợp thực tế. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn phải đi trước để các doanh nghiệp căn cứ vào đó công bố; phải có công cụ hợp quy, hợp chuẩn, nhưng tăng cường hậu kiểm, giảm tiền kiểm, giảm chi phí đầu vào, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp; cái gì cần kiểm soát thì phải kiểm soát như thuốc men, thực phẩm liên quan tới tính mạng, sức khỏe người dân, tinh thần là không buông lỏng nhưng cũng không quá khắt khe, phải bảo đảm an toàn, sức khỏe, tính mạng cho người dân, đồng thời có biện pháp giảm thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội, tăng cường xã hội hóa.

Thủ tướng yêu cầu, từ nay đến thời điểm Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2025 có hiệu lực (ngày 1/1/2026), các bộ, ngành phải xây dựng và ban hành các thông tư hướng dẫn liên quan để khi luật có hiệu lực có hệ thống quy chuẩn đồng bộ, thống nhất, khả thi.

Giao Bộ Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đề xuất sửa đổi các luật chuyên ngành như Luật Thú y, Luật Chăn nuôi, Luật Trồng trọt, Luật Thủy sản... để loại bỏ các thủ tục trùng lặp; thống nhất đơn giản hóa thủ tục công bố hợp quy với thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi, nghiên cứu bỏ quy định về công bố hợp quy với thức ăn chăn nuôi cho phù hợp; khẩn trương hoàn thiện quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc thông qua chuyển đổi số; sửa đổi các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, ban hành trong quý IV/2025, để quy định áp dụng chứng nhận các hệ thống quản lý tiên tiến của thế giới như ISO 22000, GMP, HACCP... đối với các đối tượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp không cần lấy mẫu phân tích các chỉ tiêu, để vừa bảo đảm chất lượng sản phẩm, vừa giảm gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp.

Các Bộ: Xây dựng, Công thương, Y tế, Tài chính phối hợp chặt chẽ, bảo đảm việc sửa đổi quy chuẩn và quy định quản lý chất lượng thống nhất, minh bạch, công bằng và không tạo rào cản kỹ thuật không cần thiết, không tạo ra “giấy phép con” ảnh hưởng người dân, doanh nghiệp.

Thủ tướng nêu rõ, yêu cầu cấp bách là đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp chuẩn, hợp quy và nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý tiêu chuẩn-đo lường-chất lượng quốc gia, kết nối liên thông, phục vụ công tác quản lý nhà nước, các chủ thể được kiểm tra một cách công khai, minh bạch trên môi trường mạng. Đẩy mạnh cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi, tăng cường giám sát, kiểm tra; xử lý nghiêm các vi phạm, đặc biệt là các vi

phạm trong lĩnh vực an toàn thực phẩm, thuốc chữa bệnh; xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức thiếu tinh thần trách nhiệm, vô cảm với các khó khăn, vướng mắc của doanh

nh nghiệp, người dân và để xảy ra việc lưu thông hàng hóa, nhất là thực phẩm, thuốc men không đủ tiêu chuẩn.../.

0

SẼ SỚM BAN HÀNH BỘ TIÊU CHUẨN VỀ CÔNG TRÌNH XANH

Bộ Xây dựng dự kiến nghiên cứu xây dựng và sẽ sớm ban hành bộ tiêu chuẩn về công trình xanh, giúp việc thực hiện công khai, minh bạch.



Công trình xanh là bộ phận quan trọng của kinh tế xanh trong lĩnh vực xây dựng - đô thị, góp phần giảm tiêu thụ năng lượng, nước, vật liệu và giảm phát thải CO₂; thúc đẩy sản xuất và sử dụng vật liệu xanh, vật liệu tái chế cũng như nâng cao hiệu quả sử dụng đất đô thị và chất lượng môi trường sống.

Theo Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh, số lượng công trình xanh liên tục phát triển trong năm 2024 và năm 2025. Đến hết quý III-2025, cả nước đã có trên 600 công trình xanh, với tổng diện tích sàn xây dựng gần 17 triệu m²... đóng góp quan trọng vào nền kinh tế xanh và phát triển bền vững.

Theo Phó Giám đốc Sở Xây dựng Hà Nội Luyện Văn Phương, bắt cập hiện này là chính sách thực hiện công trình xanh hiện mới dừng ở mức khuyến khích. Các chủ đầu tư thực hiện

công trình xanh đều tự phát khi nhận thấy được lợi ích của chứng chỉ này.

Do đó, để đẩy nhanh tiến độ thực hiện và phát huy hiệu quả từ các công trình xanh, theo

ông Luyện cần phải có lộ trình, chỉ tiêu cụ thể giao cho các địa phương. Trong đó, cả công trình đầu tư công, như bệnh viện, trường học, cần được áp dụng chứng chỉ xanh trước.

Từ thực tiễn đã thực hiện nhiều công trình xanh trong nước, bà Lưu Thị Thanh Mẫu, Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư và xây dựng Phúc Khang kiến nghị, Bộ Xây dựng cần sớm ban hành hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn công trình xanh tích

hợp từ các bộ tiêu chí nước ngoài đang áp dụng phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Các nhà đầu tư đã có đủ kiến thức, kinh nghiệm để tham mưu cho Bộ về nội dung các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn này. Đây chính là cơ sở, động lực để nhà đầu tư tích cực tham gia thực thi các công trình xanh

Trước các phản ánh và đề xuất của doanh nghiệp, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh cho biết, Bộ Xây dựng sẽ bắt tay ngay vào việc nghiên cứu, ban hành bộ tiêu chí về công trình xanh, giúp việc thực hiện bảo đảm tính công khai, minh bạch. Ngoài ra, Bộ sẽ phối hợp xây dựng lộ trình đào tạo nguồn nhân lực trong nước để sớm chủ động về lực lượng chuyên môn trong kiểm định, cấp chứng chỉ cho các công trình xanh./.

0

HAI DOANH NGHIỆP ĐẠT GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC TẾ CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG (GPEA)

Hai doanh nghiệp là Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong (Hải Phòng), Công ty Cổ phần Sao Thái Dương (TP. Hà Nội) vừa đạt giải GPEA 2025.

mới về nguyên tắc trong quản lý tổ chức/doanh nghiệp. Giải thưởng GPEA do Tổ chức Chất lượng châu Á – Thái Bình Dương (APQO) tổ chức hàng năm.



Tại Bắc Kinh (Trung Quốc), Tổ chức Chất lượng châu Á – Thái Bình Dương đã phối hợp cùng Hiệp hội Chất lượng Trung Quốc – CAQ tổ chức Lễ trao giải thưởng GPEA 2025.

Giải thưởng Chất lượng quốc tế châu Á – Thái Bình Dương (Global Performance Excellence Award -GPEA) được thiết lập tháng 7/1999 theo sáng kiến của Tiến sỹ Harrington – Nguyên Chủ tịch sáng lập của Tổ chức Chất lượng châu Á – Thái Bình Dương (APQO). Là Giải thưởng chính thức duy nhất được công nhận quốc tế về mặt chất lượng; sự xuất sắc về hiệu suất hoạt động; khẳng định cách tiếp cận

cao Việc đánh giá, chấm điểm phải do các chuyên gia kinh tế, kỹ thuật hàng đầu châu Á và thế giới thực hiện.

Giải thưởng GPEA chỉ được trao cho các tổ chức, doanh nghiệp có mô hình hoạt động có hiệu suất hàng đầu khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Năm 2025, Việt Nam có 2 tổ chức, doanh nghiệp đạt GPEA, bao gồm: Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong (Hải Phòng), Công ty Cổ phần Sao Thái Dương (TP. Hà Nội). Cho đến nay, Việt Nam có 57 doanh nghiệp đạt Giải GPEA./.

0

GIẢI PHÁP CHUẨN HÓA THUẬT NGỮ TRONG DỊCH VỤ CẤP NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI VỚI TIÊU CHUẨN

Thực trạng quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, nước thải và nước mưa chảy tràn đang gặp nhiều khó khăn do thiếu sự đồng bộ trong thuật ngữ kỹ thuật. Tiêu

chuẩn TCVN 14407:2025 ra đời nhằm chuẩn hóa ngôn ngữ chuyên ngành, tạo nền tảng phát triển dịch vụ chất lượng, minh bạch.



Trong bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội nhanh chóng và đô thị hóa gia tăng, hệ thống cấp nước, xử lý nước thải và quản lý nước mưa chảy tràn đang trở thành vấn đề cấp bách với Việt Nam. Nhu cầu ngày càng cao về nguồn nước sạch và môi trường sống trong lành đòi hỏi sự đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ.

Tuy nhiên, thực tế triển khai và vận hành các hệ thống này vẫn còn nhiều bất cập. Một trong những khó khăn lớn nhất hiện nay là thiếu sự thống nhất trong thuật ngữ và khái niệm chuyên ngành. Mỗi địa phương, mỗi đơn vị quản lý hay công ty cung cấp dịch vụ lại sử dụng cách gọi và định nghĩa riêng, khiến việc phối hợp, vận hành và kiểm soát chất lượng gặp nhiều trở ngại.

Việc không đồng bộ trong ngôn ngữ chuyên môn gây khó khăn trong việc xây dựng quy trình vận hành, hướng dẫn kỹ thuật, đào tạo nhân lực cũng như trong việc kiểm soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống cấp nước và xử lý nước thải. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ mà còn làm tăng chi phí quản lý và vận hành, giảm hiệu quả đầu tư.

Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm nguồn nước do nước thải chưa được xử lý triệt để, cùng với hệ thống thoát nước mưa chưa đồng bộ, dẫn đến các vấn đề nghiêm trọng như ngập úng, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức

khỏe cộng đồng và phát triển kinh tế – xã hội. Việc thiếu các thuật ngữ chuẩn, rõ ràng càng làm khó khăn hơn cho công tác quy hoạch, kiểm soát và xử lý các vấn đề này.

Ngoài ra, trong lĩnh vực dịch vụ liên quan đến nước, sự phát triển nhanh chóng của các công nghệ mới cũng đòi hỏi cần có một chuẩn mực chung về thuật ngữ để đảm bảo các bên liên quan – từ nhà

quản lý, kỹ sư vận hành đến người tiêu dùng – có thể hiểu và áp dụng thống nhất.

Do đó, việc xây dựng và áp dụng một bộ từ vựng chuẩn về các hoạt động dịch vụ liên quan đến hệ thống cấp nước, xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn là rất cần thiết, không chỉ nhằm tạo sự minh bạch, chuẩn xác trong giao tiếp chuyên môn mà còn giúp thúc đẩy cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

Nhằm giải quyết những tồn tại nêu trên, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với các chuyên gia, nhà khoa học đã xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14407:2025 – Các hoạt động dịch vụ liên quan đến hệ thống cấp nước, hệ thống nước thải và nước mưa chảy tràn – Từ vựng.

Tiêu chuẩn này cung cấp bảng chú giải các thuật ngữ chuyên ngành được sử dụng phổ biến trong lĩnh vực dịch vụ cấp nước, xử lý nước thải và quản lý nước mưa. Mục tiêu của TCVN 14407:2025 là chuẩn hóa cách dùng từ, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trong giao tiếp kỹ thuật giữa các cơ quan quản lý, nhà cung cấp dịch vụ, các tổ chức tư vấn và người tiêu dùng.

Bảng thuật ngữ bao gồm các định nghĩa rõ ràng, minh bạch về các khái niệm như hệ thống cấp nước, nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước mưa chảy tràn, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, thu gom nước

mưa, và nhiều khái niệm kỹ thuật khác liên quan đến lĩnh vực này.

Việc áp dụng tiêu chuẩn sẽ giúp hạn chế các nhầm lẫn, hiểu sai do sự khác biệt về thuật ngữ, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát chất lượng cũng như hỗ trợ việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên

ngành. Ngoài ra, tiêu chuẩn còn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hội nhập quốc tế khi các thuật ngữ được điều chỉnh, tương thích với các chuẩn mực và quy định quốc tế về quản lý nước và bảo vệ môi trường./.

0

KIỂM SOÁT CHẤT NGUY HẠI TRONG SẢN PHẨM ĐIỆN, ĐIỆN TỬ THEO TCVN 14462:2025

Hiện nay, nhiều sản phẩm điện, điện tử trên thị trường vẫn tiềm ẩn nguy cơ chứa chất nguy hại, ảnh hưởng sức khỏe người tiêu dùng và môi trường. Trước thực trạng đó, TCVN 14462:2025 được ban hành nhằm hướng dẫn đánh giá, kiểm soát các chất nguy hại trong sản phẩm một cách khoa học, thống nhất.

Trong bối cảnh hiện nay, sản phẩm điện và điện tử trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống người tiêu dùng và trong hoạt động sản xuất – kinh doanh công nghiệp. Từ thiết bị gia dụng, đồ dùng cá nhân, đến linh kiện công nghiệp, tất cả đều chạy trên nền tảng điện – điện tử.

Tuy nhiên, cùng với sự phát triển nhanh chóng và rộng khắp ấy, những hệ lụy về môi trường, sức khỏe con người và an toàn xã hội ngày càng rõ ràng hơn. Một trong những vấn đề lớn là việc sử dụng các chất nguy hại – như chì, thủy ngân, cadmium, các hợp chất brom hóa, phthalate – trong linh kiện, mạch in, vỏ thiết bị,

pin và các bộ phận khác. Khi sản phẩm hỏng hóc, bị thải bỏ hoặc tái chế không đúng cách, những chất này dễ trở thành nguồn ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng tới môi trường sống, tới sức khỏe người dân và làm tăng chi phí xử lý sau cùng.

Trên phạm vi quốc tế, nhiều nền kinh tế phát triển đã đặt ra yêu cầu nghiêm ngặt về hạn chế hoặc loại bỏ hoàn toàn các chất nguy hại trong thiết bị điện – điện tử (ví dụ như Chỉ thị RoHS tại Liên minh Châu Âu). Tại Việt Nam, với xu thế hội nhập sâu rộng, các doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm điện – điện tử cần phải đáp ứng những yêu cầu về môi trường, an toàn và trách nhiệm xã hội của thị trường quốc tế. Đồng thời, trong nội địa, người tiêu dùng ngày càng đòi hỏi sản phẩm không chỉ hiệu quả mà còn an toàn, thân thiện môi trường. Do đó, việc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn để đánh giá các sản phẩm điện và điện tử về mặt chứa chất nguy hại, và tổ chức quản lý tương ứng là một nhu cầu cấp bách.



Vì vậy, trước thực trạng sản phẩm điện – điện tử chứa chất nguy hại, trước yêu cầu hội nhập và trước nhiệm vụ bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14462:2025 được công bố nhằm đáp ứng đúng nhu cầu đó. Tiêu chuẩn này mở rộng phạm vi áp dụng cho các sản

phẩm điện và điện tử từ thiết bị gia dụng, thiết bị thông tin, linh kiện bo mạch đến module và bộ phận kèm theo – tất cả những sản phẩm có khả năng sử dụng hoặc chứa các chất nguy hại. Nó đặt ra yêu cầu đánh giá xem sản phẩm có chứa các chất nguy hại vượt mức cho phép hay không, hoặc có được loại trừ theo đúng quy chuẩn hay chưa. Mặc dù bản đầy đủ tiêu chuẩn chưa được công khai miễn phí, thông tin từ danh mục tiêu chuẩn quốc gia cho thấy tiêu chuẩn này đóng vai trò là tài liệu kỹ thuật tham chiếu, hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan quản lý trong việc thực hiện công bố hợp chuẩn, hợp quy và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Nội dung chính của tiêu chuẩn bao gồm: phạm vi áp dụng, đối tượng đánh giá, yêu cầu về chất nguy hại, phương pháp đánh giá và kiểm tra. Theo đó, doanh nghiệp phải thực hiện lấy mẫu, phân tích hóa học, kiểm tra hồ sơ kỹ thuật và chứng nhận phù hợp để xác định sự

hiện diện của chất nguy hại. Tiêu chuẩn cũng hướng đến việc đánh giá rủi ro liên quan tới sản phẩm, xem xét chuỗi cung ứng, sử dụng lại và xử lý cuối vòng đời. Qua đó, tiêu chuẩn giúp chuẩn hóa cách thức đánh giá, minh bạch vật liệu, linh kiện sử dụng trong sản phẩm điện – điện tử.

Việc áp dụng TCVN 14462:2025 mang lại nhiều lợi ích, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc lựa chọn linh kiện, vật liệu; giảm rủi ro bị kiểm tra, thu hồi hoặc xử lý vì chứa chất cấm; nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế; từ phía quản lý, cung cấp công cụ kiểm tra, giám sát và hỗ trợ người tiêu dùng. Tiêu chuẩn này còn góp phần giải quyết bài toán quản lý chất thải điện – điện tử, giảm nguy cơ ô nhiễm từ thiết bị bị thải bỏ hoặc tái chế không đúng quy trình./.

0

TCVN ISO 19142:2025 VỀ DỊCH VỤ ĐỐI TƯỢNG DỮ LIỆU ĐỊA LÝ TRÊN WEB

Tại Việt Nam, nhu cầu truy cập dữ liệu địa lý số ngày càng tăng mạnh, đặc biệt là thông qua các ứng dụng web và di động. Tuy nhiên, thực tế cho thấy hệ thống cung cấp và khai thác dữ liệu địa lý hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập.



Tiêu chuẩn TCVN ISO 19142:2025 quy định về “dịch vụ đối tượng địa lý trên web” tức là cách các hệ thống có thể cung cấp và khai thác thông tin địa lý dạng đối tượng một cách

trực tiếp qua Internet. Đây là một trong những tiêu chuẩn kỹ thuật quan trọng do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO) xây dựng và đã được nhiều quốc gia áp dụng để phát triển hạ tầng dữ liệu không gian đồng bộ.

Cụ thể, tiêu chuẩn đưa ra các yêu cầu kỹ thuật cho máy chủ cung cấp dịch vụ WFS (Web Feature Service) là việc một hệ thống máy chủ chia sẻ dữ liệu địa lý dạng đối tượng (feature) qua giao diện web) như: Cho phép người dùng truy vấn thông tin về các đối tượng địa lý (ví dụ như thửa đất, tòa nhà, tuyến đường) theo nhiều tiêu chí khác nhau. Cung cấp khả năng mô tả loại đối tượng địa lý, truy xuất các thuộc tính, hoặc lấy toàn bộ dữ liệu trong một phạm vi không gian cụ thể. Hỗ trợ các thao tác giao dịch như tạo mới, chỉnh sửa hoặc xóa đối tượng địa lý – phục vụ cập nhật dữ liệu theo thời gian thực.

Xây dựng cơ chế truyền tham số truy vấn rõ ràng, cho phép hệ thống khách hàng gửi yêu cầu và nhận dữ liệu theo định dạng chuẩn, giúp đảm bảo khả năng tương thích giữa các hệ

thống khác nhau. Phân loại cấp độ dịch vụ theo mức độ hỗ trợ, từ cơ bản đến nâng cao, giúp tổ chức dễ dàng triển khai theo nhu cầu thực tế.

Việc áp dụng TCVN ISO 19142:2025 sẽ tạo ra cú hích lớn cho việc hiện đại hóa hạ tầng dữ liệu địa lý tại Việt Nam. Các cơ quan nhà nước sẽ giảm được gánh nặng chi phí tích hợp hệ thống; các doanh nghiệp công nghệ sẽ có thêm công cụ chuẩn hóa để phát triển ứng dụng

bản đồ thông minh; còn người dân sẽ được tiếp cận thông tin chính xác, kịp thời và minh bạch hơn. Đây không chỉ là bước tiến kỹ thuật, mà còn là một nền tảng chiến lược giúp Việt Nam chủ động hơn trong quá trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xây dựng đô thị thông minh./.

0

ĐỀ XUẤT TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐỐT THAN

Tiêu chuẩn này sẽ được sử dụng để mô tả các sản phẩm đốt than trong các cuộc điều tra thực địa nhằm mục đích sử dụng có lợi.



ASTM International đang đề xuất xây dựng tiêu chuẩn WK94485 cho việc xác định và mô tả các sản phẩm từ đốt than (coal combustion products - CCP) trong thực địa. Việc này đặc biệt tập trung vào các mẫu khoan và hố thử nghiệm (test pit) thu thập từ các khu vực chứa CCP, nhằm cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho việc đánh giá, phân loại và xác định tiềm năng tái sử dụng các vật liệu này trong các công trình và ứng dụng công nghiệp.

Theo ông Eric Hageman - thành viên của ASTM cho biết, mặc dù các sản phẩm CCP có

kích cỡ hạt tương đồng với đất tự nhiên, nhưng chúng là vật liệu nhân tạo và do đó đòi hỏi các tiêu chí riêng để đánh giá. Hageman nhấn mạnh rằng các tiêu chuẩn hiện có chủ yếu phục vụ

cho đất tự nhiên, và không phù hợp để khai thác tiềm năng sử dụng các sản phẩm tro than một cách an toàn và hiệu quả trong thực tế.

Việc xây dựng tiêu chuẩn này cũng liên quan trực tiếp tới mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là mục tiêu số 7 (nguồn năng lượng giá cả phải chăng và sạch). ASTM mong muốn tiêu chuẩn mới sẽ giúp thúc đẩy việc dùng CCP một cách có trách nhiệm, hỗ trợ bảo vệ môi trường đồng thời giảm nhu cầu khai

thác tài nguyên mới.

ASTM kêu gọi các bên quan tâm bao gồm cơ quan quản lý, các công ty năng lượng, các chuyên gia môi trường và khoa học tham gia vào quá trình phát triển tiêu chuẩn mới. Quy trình này hứa hẹn sẽ mang lại một công cụ quan trọng cho việc đánh giá, giám sát và sử dụng CCP tại nhiều quốc gia, đặc biệt trong bối cảnh ngày càng nhiều nước tìm cách tái sử dụng chất thải công nghiệp này thay vì chôn lấp./.

0

TIÊU CHUẨN MỚI ĐỂ ĐO PFAS SIÊU NGẮN TRONG MÔI TRƯỜNG NƯỚC

ASTM International đang phát triển một tiêu chuẩn thử nghiệm mới nhằm đo lường chính xác các hợp chất PFAS siêu ngắn chuỗi trong nước bằng kỹ thuật sắc ký lỏng ghép khối phổ (LC-MS/MS).



ASTM International vừa công bố kế hoạch phát triển tiêu chuẩn WK80687, tập trung vào việc định lượng các hợp chất PFAS siêu ngắn chuỗi (từ C1 đến C4) trong môi trường nước. Các hợp chất này, còn được gọi là ultrashort-chain PFAS, thuộc nhóm các chất per- và polyfluoroalkyl (PFAS) — những hợp chất nhân tạo có khả năng tồn tại dai dẳng trong môi trường và được biết đến với biệt danh “hóa chất vĩnh cửu”.

Theo ASTM, các PFAS siêu ngắn chuỗi hiện đang được phát hiện ngày càng nhiều trong tự nhiên, bao gồm trong nước mưa và tuyết tan. Tuy nhiên, việc đo lường chính xác chúng vẫn là thách thức lớn do kích thước phân tử nhỏ và tính di động cao. Các phương pháp phân tích hiện tại, đặc biệt là kỹ thuật sắc ký lỏng pha đảo (reversed-phase liquid chromatography), thường không thể giữ được các hợp chất này đủ lâu trên cột phân tách để tạo ra đỉnh sắc ký rõ ràng, dẫn đến sai lệch hoặc kết quả không ổn định.

Một khó khăn khác trong phân tích PFAS siêu ngắn chuỗi là việc xác nhận tín hiệu thu được có thực sự thuộc về các hợp chất PFAS

hay chỉ là nhiễu nền. Với những mẫu có chỉ một chuyển tiếp MRM (multiple reaction monitoring), các nhà phân tích thường gặp khó trong việc xác định chính xác bản chất của tín hiệu, từ đó làm giảm độ tin cậy của kết quả đo.

Nhằm giải quyết vấn đề này, tiêu chuẩn WK80687 đề xuất sử dụng hai cơ chế bắt giữ (retention mechanisms) song song trong sắc ký lỏng, giúp cải thiện độ tách và xác nhận chính xác hơn các hợp chất PFAS có chuỗi cực ngắn.

Theo kế hoạch, phương pháp mới này sẽ được thực hiện bằng kỹ thuật LC-MS/MS (Liquid Chromatography Tandem Mass Spectrometry), một công nghệ tiên tiến cho phép phát hiện và định lượng các hợp chất ở nồng độ cực thấp. Tiêu chuẩn WK80687 được kỳ vọng sẽ cung cấp hướng dẫn chi tiết cho các phòng thí nghiệm trong việc tối ưu quy trình phân tích, đảm bảo kết quả có độ chính xác và độ lặp lại cao hơn so với các quy trình hiện hành.

Tiêu chuẩn đang được phát triển bởi Tiểu ban D19.06 thuộc Ủy ban D19 của ASTM, dưới sự phụ trách kỹ thuật của chuyên gia Brian Milewski và điều phối bởi Mike Chang. ASTM cũng kêu gọi sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia phân tích và tổ chức môi trường trên toàn thế giới để đóng góp ý kiến cho bản dự thảo, nhằm hoàn thiện phương pháp thử trước khi ban hành chính thức.

Nếu được thông qua, WK80687 sẽ bổ sung một công cụ phân tích tiên tiến cho hệ thống giám sát chất lượng nước toàn cầu, đồng thời củng cố nỗ lực quốc tế trong việc bảo vệ sức khỏe con người và môi trường trước thách thức từ các hóa chất PFAS./.

TIÊU CHUẨN PPE – BƯỚC TIẾN HƯỚNG TỚI AN TOÀN VÀ CÔNG BẰNG CHO MỌI NGƯỜI LAO ĐỘNG

British Standards Institution (BSI) vừa công bố hướng dẫn mới **BS 30417** về việc cung cấp thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) phù hợp với đa dạng đối tượng người dùng bất kể giới tính, chủng tộc, hình dáng cơ thể, tuổi tác hay khuyết tật.



Sau nhiều năm nghiên cứu và tham vấn các bên liên quan, BSI - tổ chức tiêu chuẩn quốc gia của Vương quốc Anh đã công bố hướng dẫn mới mang tên **BS 30417:2025, Provision of Inclusive Personal Protective Equipment - Guide**. Tiêu chuẩn này được thiết kế nhằm giải quyết khoảng trống lớn trong lĩnh vực thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE), khi phần lớn sản phẩm trên thị trường hiện nay vẫn dựa vào mẫu hình “người lao động trung bình”, vốn chủ yếu là nam giới da trắng có kích thước cơ thể tiêu chuẩn.

Theo BSI, thực tế này khiến hàng triệu người lao động, đặc biệt là phụ nữ, người có khuyết tật hoặc có hình thể không thuộc “chuẩn trung bình”, phải sử dụng PPE không vừa vặn. Điều đó không chỉ gây bất tiện mà còn làm giảm hiệu quả bảo vệ, làm tăng nguy cơ tai nạn lao động và ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất lẫn tinh thần. BSI nhận định rằng một thiết bị bảo hộ không phù hợp có thể khiến người lao động ngần ngại tham gia công việc hoặc cảm thấy mình không được tôn trọng, qua đó tác động

tiêu cực đến năng suất và khả năng gắn bó với nghề.

Nhiều khảo sát gần đây cho thấy mức độ phổ biến đáng báo động của tình trạng này. Một nghiên cứu do FocalData thực hiện cho biết gần 46% phụ nữ tại Anh từng được cấp phát PPE hoặc đồng phục không vừa vặn, trong khi nhiều người khác phải tự tìm giải pháp thay thế để có thể làm việc an toàn. Các phản ánh thực tế cũng ghi nhận trường hợp các sĩ quan cảnh sát nữ tại Scotland buộc phải tự bỏ tiền túi mua đồng phục vì loại được cấp phát không phù hợp với cơ thể.

BS 30417 ra đời để khắc phục tình trạng đó bằng cách đặt ra những nguyên tắc thực hành tốt nhất cho quá trình thiết kế, lựa chọn, mua sắm, phân phối và sử dụng PPE. Tiêu chuẩn này không tập trung vào vật liệu hay tính năng kỹ thuật của PPE, mà hướng dẫn cách thức đảm bảo sự phù hợp, thoải mái và công bằng cho mọi người sử dụng. Trong đó, BSI nhấn mạnh tầm quan trọng của việc cung cấp dải kích cỡ đa dạng, chú trọng tới yếu tố giới tính, tuổi tác, hình thể, tình trạng khuyết tật và nhu cầu văn hóa hoặc tôn giáo của người lao động.

Bà Anne Hayes, Giám đốc phát triển tiêu chuẩn và lĩnh vực của BSI, khẳng định rằng việc triển khai PPE toàn diện không chỉ giúp tuân thủ quy định an toàn lao động mà còn thể hiện sự tôn trọng và quan tâm tới từng cá nhân trong doanh nghiệp. “PPE phù hợp là nền tảng của một môi trường làm việc an toàn, bao trùm và bền vững. Khi mọi người cảm thấy thoải mái và được bảo vệ, họ sẽ làm việc hiệu quả hơn, gắn bó hơn và tin tưởng hơn vào tổ chức của mình,” bà Hayes nhấn mạnh.

Tiêu chuẩn BS 30417 được phát triển dưới sự chủ trì của bà Natalie Wilson, Giám đốc điều hành Công ty Workwear Solutions International, cùng một nhóm chuyên gia từ các lĩnh vực an toàn lao động, sản xuất, nghiên cứu

và bình đẳng giới. Theo bà Wilson, BS 30417 là công cụ quan trọng giúp các tổ chức đánh giá lại toàn bộ chuỗi cung ứng PPE từ khâu thiết kế, đặt hàng, kiểm thử đến huấn luyện sử dụng. “Chúng tôi muốn đảm bảo rằng mọi người lao động đều có quyền được bảo vệ đầy đủ, bất kể họ là ai hay làm việc ở đâu. Tiêu chuẩn này sẽ góp phần xây dựng môi trường làm việc nhân văn hơn, an toàn hơn và hiệu quả hơn,” bà chia sẻ.

Không chỉ hướng đến sự thay đổi trong cách lựa chọn thiết bị, tiêu chuẩn mới còn đề cập đến văn hóa an toàn toàn diện (inclusive safety culture), nơi người lao động được lắng nghe về nhu cầu cá nhân của họ, và nơi các nhà quản lý nhận thức rằng một kích cỡ không thể phù hợp cho tất cả. Theo BSI, sự thay đổi này đặc biệt quan trọng trong các ngành như sản xuất, y tế, năng lượng, xây dựng và công nghệ cao, nơi PPE là yếu tố bắt buộc hàng ngày.

BS 30417 cũng khuyến khích các doanh nghiệp đánh giá lại mối quan hệ với nhà cung cấp PPE, yêu cầu mở rộng dải kích thước, điều chỉnh thiết kế để phù hợp với nhiều dạng cơ thể khác nhau, đồng thời đào tạo nhân viên về cách kiểm tra độ vừa vặn và bảo quản PPE đúng cách. Việc áp dụng các khuyến nghị trong tiêu

chuẩn này được kỳ vọng không chỉ cải thiện an toàn mà còn giúp thu hút và giữ chân nhân sự có kỹ năng, đặc biệt là trong bối cảnh lực lượng lao động toàn cầu ngày càng đa dạng về giới tính, độ tuổi và xuất thân.

Các chuyên gia trong lĩnh vực an toàn và bình đẳng lao động nhận định rằng việc ra mắt BS 30417 mang ý nghĩa vượt ra ngoài phạm vi kỹ thuật. Nó thể hiện sự thay đổi về tư duy trong thiết kế và quản lý PPE, từ việc coi PPE là “vật dụng bắt buộc” sang xem nó như một phần của chiến lược nhân sự và văn hóa doanh nghiệp. Một môi trường làm việc bao trùm, nơi mọi người đều được bảo vệ đúng cách, không chỉ giảm thiểu rủi ro tai nạn mà còn nâng cao tinh thần, lòng tin và sự gắn kết của nhân viên.

Với sự ra đời của BS 30417, BSI kỳ vọng sẽ mở ra một giai đoạn mới cho ngành PPE toàn cho người lao động, dù khác biệt về giới, dáng vóc hay hoàn cảnh, đều có thể làm việc an toàn, tự tin và được đối xử công bằng. Đây không chỉ là một bước tiến về kỹ thuật, mà còn là thông điệp mạnh mẽ về giá trị của sự hòa nhập và phẩm giá con người trong thời đại lao động hiện đại./

0

ISO 22000 ĐƯỢC CẬP NHẬT, TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG PHỤC HỒI CỦA CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU

Bảy tiêu chuẩn an toàn thực phẩm ISO 22000 được cập nhật, bao gồm các yêu cầu mới đối với bán lẻ, bán buôn và hệ thống quản lý có thể chứng nhận, tăng cường khả năng phục hồi của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tổ chức Tiêu chuẩn Anh (British Standards Institution – BSI) mới đây đã đưa ra thông báo về hệ thống tiêu chuẩn ISO 22000 - An toàn thực phẩm mới được cập nhật thêm. Theo đó, bảy tiêu chuẩn thuộc chuỗi ISO 22000 đã được ban hành, bao gồm hai tiêu chuẩn hoàn toàn mới và năm tiêu chuẩn được chỉnh sửa, mở rộng nội dung. Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ thiết lập một nền tảng vững chắc hơn cho các chương trình điều kiện tiên quyết

(Prerequisite Programmes - PRPs), giúp các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng thực phẩm nâng cao khả năng phòng ngừa rủi ro và tăng tính thống nhất trong quản lý an toàn thực phẩm toàn cầu.

Một trong những điểm nổi bật của lần cập nhật này là sự ra đời của ISO 22002-7, tiêu chuẩn mới dành riêng cho lĩnh vực bán lẻ và bán buôn. Trước đây, nhóm hoạt động này chưa có hướng dẫn cụ thể trong hệ thống ISO 22000, dẫn đến những khác biệt trong thực hành an toàn thực phẩm giữa các đơn vị. Việc bổ sung tiêu chuẩn mới giúp “lấp đầy khoảng trống” trong chuỗi giá trị thực phẩm, đảm bảo tính nhất quán từ khâu sản xuất, phân phối, cho



đến tay người tiêu dùng. Các doanh nghiệp bán lẻ, nhà phân phối, siêu thị hay ngân hàng thực phẩm giờ đây đều có thể áp dụng cùng một chuẩn chung để kiểm soát rủi ro và duy trì chất lượng sản phẩm.

Song song với đó, ISO 22002-100 cũng được giới thiệu như một tiêu chuẩn có thể cấp chứng nhận, đóng vai trò là nền tảng chung cho các chương trình PRP trong toàn bộ chuỗi thực phẩm, từ sản xuất, chế biến đến đóng gói và lưu trữ. Tiêu chuẩn này cung cấp một khung kiểm toán độc lập, cho phép doanh nghiệp được đánh giá bởi các tổ chức chứng nhận bên thứ ba, đồng thời giúp đơn giản hóa quy trình tuân thủ. Việc có một tiêu chuẩn “gốc” như ISO 22002-100 không chỉ giúp các tổ chức dễ dàng triển khai hệ thống quản lý an toàn thực phẩm mà còn tạo thuận lợi cho việc mở rộng sang các lĩnh vực có liên quan.

Bên cạnh hai tiêu chuẩn mới, năm tiêu chuẩn hiện có thuộc chuỗi ISO 22002 cũng đã được cập nhật thêm, bao gồm các lĩnh vực: sản xuất thực phẩm, dịch vụ ăn uống, đóng gói, vận chuyển - lưu kho và sản xuất thức ăn chăn nuôi. Các tiêu chuẩn này đã được chuyển đổi từ dạng “quy định kỹ thuật” (technical specification) sang tiêu chuẩn quốc tế đầy đủ, mang lại tính rõ ràng, minh bạch và khả năng áp dụng rộng rãi hơn. Cách tiếp cận mới theo hướng mô đun và linh hoạt cho phép doanh nghiệp chọn lựa và kết hợp các tiêu chuẩn phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động của mình.

Theo bà Angela Cunningham, chuyên gia chính của BSI và là thành viên nhóm công tác

ISO/TC 34/SC 17/WG 11, việc thống nhất các yêu cầu tiên quyết này giúp tất cả các doanh nghiệp trong chuỗi thực phẩm – dù đang áp dụng nhiều tiêu chuẩn khác nhau – có thể bắt đầu từ cùng một nền tảng cơ bản. Điều này sẽ giúp tăng tính nhất quán trong toàn hệ thống và giảm chồng chéo trong quá trình đánh giá. “Khi mọi doanh nghiệp cùng dựa trên một khung PRP chung, việc đảm bảo an toàn thực phẩm không còn là vấn đề riêng lẻ, mà trở thành một nỗ lực tập thể của toàn ngành,” bà nhấn mạnh.

Việc cập nhật chuỗi tiêu chuẩn ISO 22000 diễn ra trong bối cảnh các rủi ro an toàn thực phẩm vẫn ở mức cao. Theo dữ liệu thống kê tại Vương quốc Anh, giai đoạn 2019–2024 ghi nhận trung bình hơn 2.100 vụ việc liên quan đến mất an toàn thực phẩm mỗi năm, với số ca nhiễm khuẩn *Campylobacter* và *Salmonella* tiếp tục gia tăng. Những con số này cho thấy nhu cầu cấp thiết về việc siết chặt các yêu cầu quản lý và tăng cường tính minh bạch trong chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu.

Một điểm đáng chú ý khác là việc cấu trúc lại các tiêu chuẩn ISO 22002 theo hướng có thể mở rộng, dễ kiểm toán và áp dụng cho mọi quy mô doanh nghiệp. Với hệ thống tiêu chí được trình bày rõ ràng, việc đánh giá – dù là nội bộ hay bên ngoài – sẽ trở nên nhất quán hơn, giúp doanh nghiệp chủ động hơn trong việc chuẩn bị cho các đợt kiểm toán định kỳ. Điều này không chỉ giúp tăng cường năng lực quản trị nội bộ mà còn hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn các yêu cầu từ đối tác và cơ quan quản lý.

Theo BSI, việc cải tiến các chương trình PRP còn mang lại lợi ích trực tiếp cho người tiêu dùng. Các quy định được bổ sung về kiểm soát dị ứng, truy xuất nguồn gốc, phòng chống gian lận thực phẩm và bảo đảm vệ sinh trong sản xuất – phân phối sẽ giúp giảm thiểu rủi ro ô nhiễm, nâng cao độ tin cậy của sản phẩm. Đồng thời, các doanh nghiệp tuân thủ bộ tiêu chuẩn mới cũng sẽ được hưởng lợi thông qua việc giảm lãng phí, cải thiện hiệu quả vận hành và tăng khả năng cạnh tranh trong thị trường toàn cầu./.

CÁC TIÊU CHUẨN MỚI CẬP NHẬT TRONG THÁNG 10/2025

❖ **TIÊU CHUẨN QUỐC GIA****TCVN 10687-11:2025**

Hệ thống phát điện gió – Phần 11: Kỹ thuật đo tiếng ồn âm thanh

Số trang:70

TCVN 10687-13:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 13: Đo tải trọng cơ học

Số trang:117

TCVN 10687-14:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 14: Công bố mức công suất âm thanh biểu kiến và giá trị tính âm sắc

Số trang:13

TCVN 10687-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 1: Yêu cầu thiết kế

Số trang:194

Thay thế:TCVN 10687-1:2015

TCVN 10687-23:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 23: Thử nghiệm kết cấu đầy đủ của cánh rôto

Số trang:55

TCVN 10687-24:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 24: Bảo vệ chống sét

Số trang:224

Thay thế:TCVN 10687-24:2015 (IEC 61400-24:2010)

TCVN 10687-25-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-1: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Mô tả tổng thể các nguyên lý và mô hình

Số trang:41

TCVN 10687-25-2:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-2: Truyền thông để giám sát

và điều khiển nhà máy điện gió – Mô hình thông tin

Số trang:118

TCVN 10687-25-3:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25 - 3: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Mô hình trao đổi thông tin

Số trang:41

TCVN 10687-25-4:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-4: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Ánh xạ đến hồ sơ truyền thông

Số trang:284

TCVN 10687-25-5:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-5: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Thử nghiệm sự phù hợp

Số trang:75

TCVN 10687-25-6:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-6: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Các lớp nút logic và các lớp dữ liệu để giám sát tình trạng

Số trang:58

TCVN 10687-25-71:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 25-71: Truyền thông để giám sát và điều khiển nhà máy điện gió – Ngôn ngữ mô tả cấu hình

Số trang:103

TCVN 10687-26-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 26-1: Tính khả dụng của hệ thống phát điện gió

Số trang:120

TCVN 10687-27-1:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 27-1: Mô hình mô phỏng về điện – Mô hình chung

Số trang:108

TCVN 10687-27-2:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 27-2: Mô hình mô phỏng điện – Xác nhận mô hình

Số trang:70

TCVN 10687-4:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 4: Yêu cầu thiết kế hộp số tuabin gió

Số trang:109

TCVN 10687-5:2025

Hệ thống phát điện gió – Phần 5: Cánh tuabin gió

Số trang:69

TCVN 10687-6:2025

Hệ thống phát điện gió Phần 6: Yêu cầu thiết kế tháp và móng

Số trang:127

TCVN 13316-12:2025

Phòng cháy chữa cháy. Xe ô tô chữa cháy. Phần 12: Xe chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trên cao

Số trang:43

TCVN 14332:2025

Thép không gỉ dùng làm linh kiện trong thiết bị điện và điện tử gia dụng

Số trang:8

TCVN 14387:2025

Phân bón – Định lượng nấm *Penicillium* spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

Số trang:19

TCVN 14388:2025

Phân bón – Định lượng nấm *Aspergillus* spp. bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

Số trang:19

TCVN 14389:2025

Phân bón – Định lượng *Bacillus laterosporus* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

Số trang:22

TCVN 14390:2025

Phân bón – Định lượng *Bacillus coagulans* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

Số trang:21

TCVN 14391:2025

Phân bón – Định lượng *Bacillus mycoides* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR) kết hợp giải trình tự gen

Số trang:25

TCVN 14392:2025

Phân bón – Định lượng *Bacillus licheniformis* bằng kỹ thuật đếm khuẩn lạc và khẳng định bằng phản ứng chuỗi polymerase (PCR)

Số trang:19

TCVN 14394-1:2025

Thử nghiệm chịu lửa – Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí – Phần 1: Van ngăn cháy cơ khí

Số trang:41

TCVN 14394-2:2025

Thử nghiệm chịu lửa – Van ngăn cháy cho hệ thống phân phối không khí – Phần 2: Van ngăn cháy trương phồng

Số trang:46

TCVN 14419:2025

Lập bản đồ Địa chất công trình – Yêu cầu chung trong điều tra cơ bản địa chất

Số trang:13

TCVN 14420:2025

Lập bản đồ Địa chất công trình – Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

Số trang:14

TCVN 14420:2025

Lập bản đồ địa chất công trình – Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

Số trang:14

TCVN 14421:2025

Lập bản đồ Địa chất thủy văn – Yêu cầu trong công tác thăm dò khoáng sản

Số trang:14

TCVN 14422-1:2025

Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 1: Yêu cầu chung

Số trang:14

TCVN 14422-3:2025

Điều tra Địa chất vùng biển nông ven bờ (0 m - 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 3: Thành lập các loại bản đồ

Số trang:8

TCVN 14422-4:2025

Điều tra Địa chất vùng biển nông ven bờ (0 m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 4. Điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản

Số trang:8

TCVN 14422_2_2025

Điều tra địa chất vùng biển nông ven bờ (0m đến 30 m nước) tỷ lệ 1:100.000 và 1:50.000 - Phần 2: Các giai đoạn thực hiện

Số trang:16

TCVN 14467:2025

Cáp điện ngầm dưới biển có cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp dùng cho điện áp danh định

từ 6 kV ($U_m = 7,2$ kV) đến 60 kV ($U_m = 72,5$ kV) – Yêu cầu và phương pháp thử

Số trang:77

TCVN 14470:2025

Phân bón – Xác định hàm lượng axit salicylic bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

Số trang:12

TCVN 14471:2025

Phân bón – Xác định hàm lượng axit lactic bằng phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử

Số trang:14

TCVN 14487:2025

Cảng cá. Yêu cầu chung

Số trang:13

TCVN 14496:2025

Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước cho nhà kho có chiều cao sắp xếp hàng hoá trên giá đỡ cao trên 5,5m đến 25m. Yêu cầu thiết kế

Số trang:23

TCVN 14497:2025

Phòng cháy chữa cháy. Thiết bị báo cháy độc lập. Đầu báo cháy khói sử dụng ánh sáng tán xạ, ánh sáng truyền qua hoặc ion hoá

Số trang:82

TCVN 14498:2025

Phòng cháy chữa cháy. Bình chữa cháy cố định bằng sol-khí dạng cô đặc

Số trang:39

TCVN 14538:2025

Phòng cháy chữa cháy. Hệ thống truyền tin báo cháy

Số trang:102

TCVN 7278-3:2025

Chất chữa cháy. Chất tạo bọt chữa cháy. Phần 3: Yêu cầu kỹ

thuật đối với chất tạo bọt chữa cháy độ nở thấp dùng để phun lên bề mặt chất lỏng cháy hòa tan được với nước

Số trang:48

Thay thế:TCVN 7278-3:2003

TCVN 7568-5:2025

Hệ thống báo cháy. Phần 5: Đầu báo cháy nhiệt kiểu điểm

Số trang:42

Thay thế:TCVN 7568-5:2013

❖ TIÊU CHUẨN ISO

ISO 4491-3:2025

Metallic powders — Determination of oxygen content by reduction methods Part 3: Hydrogen-reducible oxygen

Pages: 9

Replaces: ISO 4491-3:1997

ISO 4582:2025

Plastics — Determination of changes in colour and variations in properties after exposure to glass-filtered solar radiation, natural weathering or laboratory radiation sources

Pages: 20

Replaces: ISO 4582:2017

ISO 5011:2025

Inlet air cleaning equipment for internal combustion engines and compressors —

Performance testing

Pages: 50

Replaces: ISO 5011:2020

ISO 5017:2025

Dense shaped refractory products — Determination of bulk density, apparent porosity and true porosity

Pages: 12

Replaces: ISO 5017:2013

ISO 5092:2025

Additive manufacturing for medical — General principles — Additive manufacturing of non-active implants

Pages: 11

ISO 52016-3:2023/Amd

1:2025

Energy performance of buildings — Energy needs for heating and cooling, internal temperatures and sensible and latent heat loads — Part 3: Calculation procedures regarding adaptive building envelope elements

Pages: 12

ISO 540:2025

Hard coal — Determination of ash fusibility

Pages: 9

Replaces: ISO 540:2008

ISO 54002:2025

Quality management systems — Guidance for the application of ISO 9001:2015 in police organizations

Pages: 89

ISO 5684:2025

Adhesives — Floor covering adhesives and products for flooring installation — Assessment and classification of low volatile organic compound (VOC) products

Pages: 7

Replaces: ISO 5684:2023

ISO 5832-2:2025

Implants for surgery — Metallic materials

Part 2: Unalloyed titanium

Pages: 4

Replaces: ISO 5832-2:2018

ISO 5872:2025

Oil and gas industries including lower carbon energy — Pipeline transportation systems — Vocabulary

Pages: 37

ISO 602:2025

Coal — Determination of mineral matter

Pages: 8

Replaces: ISO 602:2015

ISO 6182-18:2025

Fire protection — Automatic sprinkler system

Part 18: Requirements and test methods for flexible sprinkler hose

Pages: 18

ISO 625:2025

Coal and coke — Determination of carbon and hydrogen — Liebig method

Pages: 14

Replaces: ISO 625:1996

ISO 6366:2025

Non-destructive testing — Leak testing — Radioactive tracer methods for pressured vessels and underground pipelines

Pages: 16

ISO 6877:2025

Dentistry — Endodontic obturating materials

Pages: 19

Replaces: ISO 6877:2021

ISO 7010:2019/Amd 10:2025

Graphical symbols — Safety colours and safety signs — Registered safety signs Amendment 10

Pages: 10

ISO 7207-2:2025

Implants for surgery — Components for partial and total knee joint prostheses

Part 2: Articulating surfaces made of metal, ceramic and plastics materials

Pages: 3

Replaces: ISO 7207-2:2011

ISO 7376-2:2025

Anaesthetic and respiratory equipment

Part 2: Video laryngoscopes

Pages: 22

ISO 7730:2025

Ergonomics of the thermal environment — Analytical determination and interpretation of thermal comfort using calculation of the PMV and PPD indices and local thermal comfort criteria

Pages: 35

Replaces: ISO 7730:2005

ISO 80000-9:2019/Amd 1:2025

Quantities and units — Part 9:

Physical chemistry and molecular physics

Amendment 1

Pages: 1

ISO 8000-220:2025

Data quality

Part 220: Sensor data: Quality measurement

Pages: 13

ISO 80601-2-13:2022/DAMD 1.2

Medical electrical equipment — Part 2-13: Particular requirements for basic safety and essential performance of an anaesthetic workstation

Amendment 1

Pages: 25

ISO 8202:2025

Road vehicles — Box task and detection response task to

measure visual-manual and cognitive demand

Pages: 11

ISO 8203-2:2025

Fibre-reinforced plastic composites — Non-destructive testing

Part 2: Array and air-coupled ultrasonics

Pages: 17

ISO 8203-4:2025

Fibre-reinforced plastic composites — Non-destructive testing

Part 4: Laser shearography

Pages: 22

ISO 8426-1:2025

Hydraulic fluid power — Determination of derived displacement of positive displacement pumps and motors

Part 1: Two-step Toet method

Pages: 16

Replaces: ISO 8426:2008

ISO 8426-2:2025

Hydraulic fluid power — Determination of derived displacement of positive displacement pumps and motors

Part 2: Zero-pressure intercept method

Pages: 6

Replaces: ISO 8426:2008

ISO 8501-3:2025

Preparation of steel substrates before application of paints and related products — Visual assessment of surface cleanliness

Part 3: Preparation grades of welds, edges and other areas with surface imperfections

Pages: 13

Replaces: ISO 8501-3:2006

ISO 8536-16:2025

Infusion equipment for medical use

Part 16: Infusion sets for single use with volumetric infusion controllers

Pages: 12

ISO 8559-2:2025

Size designation of clothes

Part 2: Primary and secondary dimension indicators

Pages: 41

Replaces: ISO 8559-2:2017

ISO 8754:2025

Petroleum products — Determination of sulfur content — Energy-dispersive X-ray fluorescence spectrometry

Pages: 9

Replaces: ISO 8754:2003

ISO 877-1:2025

Plastics — Methods of exposure to solar radiation

Part 1: General guidance

Pages: 14

Replaces: ISO 877-1:2009

ISO 8902:2025

Essential oil of lavandin Grosso (Lavandula x intermedia Emeric ex Loisel. “grosso”) (ex Lavandula angustifolia Mill. × Lavandula latifolia Medik. “grosso”)

Pages: 8

Replaces: ISO 8902:2009

ISO 9059:2025

Solar energy — Calibration of pyrheliometers by comparison to a reference pyrheliometer

Pages: 31

Replaces: ISO 9059:1990

ISO 9116:2025

Green coffee — Guidance on methods of specification

Pages: 3 Replaces: ISO 9116:2004 ISO 9185:2025 Protective clothing — Assessment of resistance of materials to molten metal splash Pages: 15 Replaces: ISO 9185:2007 ISO 9350:2025 Corrosion of metals and alloys — Testing method of corrosion resistance for hafnium at high temperature and pressure Pages: 11 ISO 9564-2:2025 Financial services — Personal Identification Number (PIN) management and security Part 2: Approved algorithms for PIN encipherment Pages: 13 ISO 9689:2025 Raw optical glass — Resistance to attack by aqueous alkaline phosphate-containing detergent solutions at 50 °C — Testing and classification Pages: 11 Replaces: ISO 9689:1990 ISO 9846:2025 Solar energy — Calibration of a pyranometer using a pyrliometer Pages: 44 Replaces: ISO 9846:1993 ISO/ASTM 52953:2025 Additive manufacturing for metals — General principles — Registration of data acquired from process monitoring and for quality control Pages: 24 ISO/ASTM DIS 52922	Additive manufacturing — Design — Directed energy deposition of metals Pages: 38 ISO/ASTM DIS 52966 Additive manufacturing — Qualification Principles — Framework for categorizing resources and process capabilities Pages: 11 ISO/DIS 10325 Fibre ropes — High modulus polyethylene — 8-strand braided ropes, 12-strand braided ropes and covered ropes Pages: 7 Replaces: ISO 10325:2018 ISO/DIS 10650 Dentistry — Powered polymerization activators Pages: 15 Replaces: ISO 10650:2018 ISO/DIS 10704 Water quality — Gross alpha and gross beta activity — Test method using thin source deposit Pages: 22 Replaces: ISO 10704:2019 ISO/DIS 10840 Plastics — Guidance for the use of standard fire tests Pages: 31 Replaces: ISO 10840:2008 ISO/IEC 11770-3:2021/Amd 1:2025 Information security — Key management — Part 3: Mechanisms using asymmetric techniques Amendment 1: TFNS identity-based key agreement Pages: 2	ISO/IEC 12087-5:2025 Information technology — Image processing and interchange (IPI) functional specification Part 5: Basic image interchange format (BIIF) Pages: 143 Replaces: ISO/IEC 12087-5:1998 ISO/IEC 13818-1:2025 Information technology — Generic coding of moving pictures and associated audio information Part 1: Systems Pages: 324 Replaces: ISO/IEC 13818-1:2023 ISO/IEC 14496-10:2025 Information technology — Coding of audio-visual objects Part 10: Advanced video coding Pages: 997 Replaces: ISO/IEC 14496-10:2022 ISO/IEC 14496-15:2024/Amd 1:2025 Information technology — Coding of audio-visual objects — Part 15: Carriage of network abstraction layer (NAL) unit structured video in the ISO base media file format Amendment 1: Support for neural-network post-filter supplemental enhancement information and other improvements Pages: 9 ISO/IEC 14496-32:2025 Information technology — Coding of audio-visual objects Part 32: File format reference software and conformance
---	---	--

Pages: 23 Replaces: ISO/IEC 14496-32:2021 ISO/IEC 14496-34:2025 Information technology — Coding of audio-visual objects Part 34: Syntactic description language Pages: 57 ISO/IEC 14651:2025 Information technology — International string ordering and comparison — Method for comparing character strings and description of the common template tailorable ordering Pages: 51 Replaces: ISO/IEC 14651:2020 ISO/IEC 14763-5:2025 Information technology — Implementation and operation of customer premises cabling Part 5: Sustainability Pages: 35 ISO/IEC 15416:2025 Automatic identification and data capture techniques — Bar code print quality test specification — Linear symbols Pages: 38 Replaces: ISO/IEC 15416:2016 ISO/IEC 15424:2025 Information technology — Automatic identification and data capture techniques — Data carrier identifiers (including symbology identifiers) Pages: 19 Replaces: ISO/IEC 15424:2008 ISO/IEC 15434:2025 Information technology — Automatic identification and data capture techniques — Syntax for high-capacity ADC media	Pages: 31 Replaces: ISO/IEC 15434:2019 ISO/IEC 15444-16:2025 Information technology — JPEG 2000 image coding system Part 16: Enhanced encapsulation of JPEG 2000 images into ISO/IEC 14496-12 Pages: 11 Replaces: ISO/IEC 15444-16:2021 ISO/IEC 15938-18:2025 Information technology — Multimedia content description interface Part 18: Conformance and reference software for compression of neural networks Pages: 26 Replaces: ISO/IEC 15938-18:2023 ISO/IEC 15944-1:2025 Information technology — Business operational view Part 1: Operational aspects of open-edi for implementation Pages: 212 Replaces: ISO/IEC 15944-1:2011 ISO/IEC 15944-12:2025 Information technology — Business operational view Part 12: Privacy protection requirements (PPR) on information life cycle management (ILCM) and EDI of personal information (PI) Pages: 120 ISO/IEC 15944-7:2009/Amd 1:2025 Information technology — Business operational view — Part 7: eBusiness vocabulary Amendment 1 Pages: 33	ISO/IEC 16466:2025 Information technology — 3D printing and scanning — Assessment methods of 3D scanned data use in 3D printing Pages: 24 ISO/IEC 18012-3:2025 Information technology — Home electronic system (HES) — Guidelines for product interoperability Part 3: Lexicon Pages: 229 ISO/IEC 18012-4:2025 Information technology — Home electronic system (HES) — Guidelines for product interoperability Part 4: Event encoding Pages: 39 ISO/IEC 18014-1:2008/Amd 1:2025 Information technology — Security techniques — Time-stamping services — Part 1: Framework Amendment 1 Pages: 2 ISO/IEC 18026:2025 Information technology — Spatial reference model (SRM) Pages: 703 Replaces: ISO/IEC 18026:2009 ISO/IEC 18031:2025 Information technology — Security techniques — Random bit generation Pages: 94 ISO/IEC 18033-2:2006/DAmD 2 Information technology — Security techniques — Encryption algorithms — Part 2: Asymmetric ciphers Amendment 2
---	---	--

Pages: 51	ISO/IEC 19086-2:2018/Amd 2:2025	ISO/IEC 19566-8:2023/Amd 1:2025
ISO/IEC 18046-5:2025	Cloud computing — Service level agreement (SLA) framework — Part 2: Metric model	Information technologies — JPEG systems — Part 8: JPEG Snack
Information technology — Radio frequency identification device performance test methods	Amendment 2	Amendment 1: Revision of JPEG Snack content boxes
Part 5: Test methods for the environmental characteristics of RFID tags used in sporting goods	Pages: 2	Pages: 3
Pages: 23	ISO/IEC 19086-3:2017/Amd 1:2025	ISO/IEC 19762:2025
ISO/IEC 18181-3:2025	Information technology — Cloud computing — Service level agreement (SLA) framework — Part 3: Core conformance requirements	Information technology — Automatic identification and data capture (AIDC) techniques — Vocabulary
Information technology — JPEG XL image coding system	Amendment 1	Pages: 88
Part 3: Conformance testing	Pages: 2	Replaces: ISO/IEC 19762:2016
Pages: 9	ISO/IEC 19566-5:2023/Amd 1:2025	ISO/IEC 19785-3:2025
ISO/IEC 18584-1:2025	Information technologies — JPEG systems — Part 5: JPEG universal metadata box format (JUMBF)	Information technology — Common Biometric Exchange Formats Framework
Information technology — Test methods for on-card biometric comparison applications	Amendment 1: JUMBF box compression and standalone JUMBF files	Part 3: Patron format specifications
Part 1: General principles and specifications	Pages: 3	Pages: 142
Pages: 19	ISO/IEC 19566-6:2019/Amd 2:2025	ISO/IEC 19785-4:2025
ISO/IEC 18584-2:2025	Information technologies — JPEG systems — Part 6: JPEG 360	Information technology — Common Biometric Exchange Formats Framework
Information technology — Test methods for on-card biometric comparison applications	Amendment 2: Revision to the equirectangular projection constraints	Part 4: Security block format specifications
Part 2: Work-sharing mechanism	Pages: 2	Pages: 20
Pages: 6	ISO/IEC 19566-7:2022/Amd 1:2025	ISO/IEC 19790:2025
Replaces: ISO/IEC 18584:2015	Information technologies — JPEG systems — Part 7: JPEG linked media format (JLINK)	Information security, cybersecurity and privacy protection — Security requirements for cryptographic modules
ISO/IEC 18670:2025	Amendment 1: Revision to the JLINK XMP expressions	Pages: 80
Information technology — SoftWare Hash IDentifier (SWHID) Specification V1.2	Pages: 6	ISO/IEC 19792:2025
Pages: 14		Information security, cybersecurity and privacy protection — General principles, requirements and guidance for security evaluation of biometric systems
ISO/IEC 19086-1:2016/Amd 1:2025		Pages: 25
Information technology — Cloud computing — Service level agreement (SLA) framework — Part 1: Overview and concepts		Replaces: ISO/IEC 19792:2009
Amendment 1		
Pages: 4		

ISO/IEC 19794-14:2022/Amd 1:2025

Information technology — Biometric data interchange formats — Part 14: DNA data Amendment 1: Conformance requirements

Pages: 15

ISO/IEC 19823-11:2025

Information technology — Conformance test methods for security service crypto suites Part 11: Crypto suite PRESENT-80

Pages: 10

ISO/IEC 20059:2025

Information technology — Methodologies to evaluate the resistance of biometric systems to morphing attacks

Pages: 16

ISO/IEC 20071-20:2025

Information technology — User interface component accessibility Part 20: Developing audiovisual content

Pages: 11

ISO/IEC 20153:2025

Information technology — OASIS Common Security Advisory Framework (CSAF) v2.0 Specification

Pages: 115

ISO/IEC 20582:2025

Software and systems engineering — Capabilities of build and deployment tools

Pages: 32

ISO/IEC 20931:2025

Information technology — User interfaces — Icons for representing services in serviced offices

Pages: 15

ISO/IEC 21000-3:2025

Information technology — Multimedia framework (MPEG-21)

Part 3: Digital Item

Identification

Pages: 34

ISO/IEC 21122-4:2025

Information technology — JPEG XS low-latency lightweight image coding system

Part 4: Conformance testing

Pages: 24

Replaces: ISO/IEC 21122-4:2022

ISO/TR 24856:2025

Intelligent transport systems — Mobility integration — Role model of the human-centric predictive risk information provisioning service

Pages: 20

ISO/TR 24935:2025

Road vehicles — Software update over the air using mobile cellular network

Pages: 44

ISO/TR 25087:2025

Space systems — Study of electrical wire derating

Pages: 11

ISO/TR 25221:2025

Electronic fee collection — Image-based tolling systems — Measurable characteristics

Pages: 20

ISO/TR 25295:2025

Footwear — Global last measurement systems

Pages: 31

ISO/TR 33402:2025

Good practice in reference material preparation

Pages: 41

ISO/TR 42507:2025

Sharing economy — Use cases of sharing economy platforms in the public sector

Pages: 11

ISO/TR 4752:2025

Biotechnology — Inventory of methods for detection of microbiological contamination in mammalian cell culture

Pages: 19

ISO/TR 5102:2025

Guidance for the analysis of differences between various standards of fibre reinforced plastic-working towers made of prefabricated elements

Pages: 16

❖ **TIÊU CHUẨN IEC****IEC 60068-2-****75:2014+AMD1:2025 CSV**

Environmental testing - Part 2-75: Tests - Test Eh: Hammer tests

Pages: 62

IEC 60068-2-**75:2014/AMD1:2025**

Amendment 1 - Environmental testing - Part 2-75: Tests - Test Eh: Hammer tests

AMENDMENT

Pages: 4

IEC 60092-302-2:2025 RLV

Electrical installations in ships - Part 302-2: Low voltage switchgear and controlgear assemblies - Marine power

Pages: 56

IEC 60092-302-2:2025

Electrical installations in ships - Part 302-2: Low voltage switchgear and controlgear assemblies - Marine power

Pages: 23

IEC 60092-352:2025 RLV Electrical installations in ships - Part 352: Selection, installation, and operating conditions of cables Pages: 115 Replaces: IEC 60092-352:2005	appliances incorporating lasers and intense light sources Pages: 28 Replaces: IEC 60335-2-113:2016+AMD1:2021 CSV	Semiconductor devices - Part 2: Discrete devices - Rectifier diodes Pages: 50 Replaces: IEC 60747-2:2016
IEC 60092-352:2025 Electrical installations in ships - Part 352: Selection, installation, and operating conditions of cables Pages: 55	IEC 60364-7-711:2025 PRV Low-voltage electrical installations - Part 7-711: Requirements for special installations or locations - Temporary electrical installations for exhibitions and entertainment related purposes Pages: 14 Replaces: IEC 60364-7-711:2018	IEC 60747-6:2025 Semiconductor devices - Part 6: Discrete devices - Thyristors Pages: 138 Replaces: IEC 60747-6:2016
IEC 60216-1:2025 PRV Electrical insulating materials - Thermal endurance properties - Part 1: Ageing procedures and evaluation of test results Pages: 29 Replaces: IEC 60216-1:2013	IEC 60364-7-712:2025 Low-voltage electrical installations - Part 7-712: Requirements for special installations or locations - Solar photovoltaic (PV) power supply installations Pages: 143 Replaces: IEC 60364-7-712:2017	IEC 60749-21:2025 PRV Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 21: Solderability Pages: 20 Replaces: IEC 60749-21:2011
IEC 60335-2-113:2025 CMV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-113: Particular requirements for beauty care appliances incorporating lasers and intense light sources Pages: 89 Replaces: IEC 60335-2-113:2016+AMD1:2021 CSV	IEC 60721-3-5:2025 PRV Classification of environmental conditions - Part 3-5: Classification of groups of environmental parameters and their severities - Ground vehicle installations Pages: 17	IEC 60749-23:2025 PRV Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 23: High temperature operating life Pages: 9 Replaces: IEC 60749-23:2004+AMD1:2011 CSV
IEC 60335-2-113:2025 EXV Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-113: Particular requirements for beauty care appliances incorporating lasers and intense light sources Pages: 279 Replaces: IEC 60335-2-113:2016+AMD1:2021 CSV	IEC 60721-3-7:2025 PRV Classification of environmental conditions - Part 3-7: Classification of groups of environmental parameters and their severities - Portable and non-stationary use Pages: 16 IEC 60721-3-7:1995+AMD1:1996 CSV	IEC 60749-26:2025 PRV Semiconductor devices - Mechanical and climatic test methods - Part 26: Electrostatic discharge (ESD) sensitivity testing - Human body model (HBM) Pages: 50 Replaces: IEC 60749-26:2018
IEC 60335-2-113:2025 Household and similar electrical appliances - Safety - Part 2-113: Particular requirements for beauty care	IEC 60747-2:2025	IEC 60793-2-60:2025 RLV Optical fibres - Part 2-60: Product specifications - Sectional specification for class C single-mode interconnection fibres Pages: 67 Replaces: IEC 60793-2-60:2008
		IEC 60793-2-60:2025 Optical fibres - Part 2-60: Product specifications - Sectional specification for class

C single-mode interconnection fibres Pages: 21 Replaces: IEC 60793-2-60:2008 IEC 60794-1-107:2025 Optical fibre cables - Part 1-107: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical test methods - Torsion, method E7 Pages: 20 IEC 60794-1-130:2025 Optical fibre cables - Part 1-130: Generic specification - Basic optical cable test procedures - Mechanical tests methods - Coefficient of friction between cables, Methods E30 Pages: 10 IEC 61000-4-30:2025 Electromagnetic compatibility (EMC) - Part 4-30: Testing and measurement techniques - Power quality measurement methods Pages: 95 Replaces: IEC 61000-4-30:2015+AMD1:2021 CSV IEC 61169-64:2025 Radio-frequency connectors - Part 64: Sectional specification - RF coaxial connectors with 0,8 mm inner diameter of outer conductor - Characteristic impedance 50 Ω (type 0,8) Pages: 33 Replaces: IEC 61169-64:2019 IEC 61189-3-302:2025 Test methods for electrical materials, printed boards and other interconnection structures and assemblies - Part 3-302: Detection of plating defects in unpopulated circuit	boards by computed tomography (CT) Pages: 17 IEC 61249-2-53:2025 Materials for printed boards and other interconnecting structures - Part 2-53: Reinforced base materials clad and unclad - PTFE unfilled laminate sheets of defined flammability (vertical burning test), copper-clad Pages: 39 IEC 61252:2025 Electroacoustics - Personal sound exposure meters Pages: 106 Replaces: IEC 61252:1993+AMD1:2000+AMD 2:2017 CSV IEC 61400-40:2025 PRV Wind energy generation systems - Part 40: Electromagnetic compatibility (EMC) - Requirements and test methods Pages: 24 IEC 61643-21:2025 Low voltage surge protective devices - Part 21: Surge protective devices connected to telecommunications and signalling networks - Requirements and test methods Pages: 177 Replaces: IEC 61643-21:2000+AMD1:2008+AMD2:2012 CSV IEC 61788-15:2025 PRV Superconductivity - Part 15: Electronic characteristic measurements - Intrinsic surface impedance of superconductor films at microwave frequencies	Pages: 61 Replaces: IEC 61788-15:2011 IEC 61811-1/AMD1:2025 PRV Amendment 1 - Electromechanical telecom elementary relays of assessed quality - Part 1: Generic specification and blank detail specification Pages: 2 Replaces: IEC 61811-1:2015 IEC 62047-4:2025 PRV Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 4: Generic specification for MEMS Pages: 19 Replaces: IEC 62047-4:2008 IEC 62047-53:2025 Semiconductor devices - Micro-electromechanical devices - Part 53: MEMS electrothermal transfer device Pages: 14 ISO/IEC TS 33064:2025 Information technology - Process assessment - Process assessment model for safety processes Pages: 21 IEC 62065:2025 Maritime navigation and radiocommunication equipment and systems - Track control systems - Operational and performance requirements, test methods and required test results Pages: 224 Replaces: IEC 62065:2014 IEC 62115:2017+AMD1:2025 CSV Electric toys - Safety Pages: 201
--	--	---

IEC 62115:2017/AMD1:2025

Amendment 1 - Electric toys - Safety

AMENDMENT

Pages: 10

Replaces: IEC

62115:2003+AMD1:2004+AMD 2:2010 CSV

IEC 62217:2025 CMV

Polymeric HV insulators for indoor and outdoor use - General definitions, test methods and acceptance criteria

Pages: 113

Replaces: IEC 62217:2012

IEC 62217:2025

Polymeric HV insulators for indoor and outdoor use - General definitions, test methods and acceptance criteria

Pages: 72

Replaces: IEC 62217:2012

IEC TS 62282-7-1:2025

Fuel cell technologies - Part 7-1: Test methods - Single cell performance tests for polymer electrolyte fuel cells (PEFC)

Pages: 92

Replaces: IEC TS 62282-7-1:2017

IEC 62561-2:2025 RLV

Lightning protection system components (LPSC) - Part 2: Requirements for conductors and earth electrodes

Pages: 97

Replaces: IEC 62561-2:2018/COR1:2019

IEC 62561-2:2025

Lightning protection system components (LPSC) - Part 2: Requirements for conductors and earth electrodes

Pages: 42

Replaces: IEC 62561-2:2018/COR1:2019

IEC 62676-4:2025 RLV

Video surveillance systems for use in security applications - Part 4: Application guidelines

Pages: 300

Replaces: IEC 62676-4:2014

IEC 62676-4:2025

Video surveillance systems for use in security applications - Part 4: Application guidelines

Pages: 92

Replaces: IEC 62676-4:2014

IEC 62783-2:2025 RLV

Twinax cables for digital communications - Part 2: Family specification - Cable for Ethernet-over-twinax physical interfaces

Pages: 28

Replaces: IEC 62783-2:2019

IEC 62783-2:2025

Twinax cables for digital communications - Part 2: Family specification - Cable for Ethernet-over-twinax physical interfaces

Pages: 13

IEC 62841-2-24:2025 PRV

Electric motor-operated hand-held tools, transportable tools and lawn and garden machinery - Safety - Part 2-24: Particular requirements for hand-held oscillating multifunction tools

Pages: 19

IEC 62862-4-2:2025 PRV

Solar thermal electric plants - Part 4-2: Heliostat field control system of solar tower plants

Pages: 21

IEC 62933-4-3:2025

Electrical energy storage (EES) systems - Part 4-3: Protection requirements of battery-based energy storage systems (BESS) according to environmental conditions

Pages: 16

IEC TS 63111:2025

Hydraulic turbines, storage pumps and pump-turbines - Hydraulic transient analysis, design considerations and testing

Pages: 204

IEC TS 63126:2025 RLV

Guidelines for qualifying PV modules, components and materials for operation at high temperatures

Pages: 70

Replaces: IEC TS 63126:2020/COR1:2022

IEC TS 63126:2025

Guidelines for qualifying PV modules, components and materials for operation at high temperatures

Pages: 33

Replaces: IEC TS

63126:2020/COR1:2022

IEC 63129:2020+AMD1:2025 CSV

Determination of inrush current characteristics of lighting products

Pages: 42

IEC 63129:2020/AMD1:2025
Amendment 1 - Determination of inrush current characteristics of lighting products

AMENDMENT

Pages: 12

IEC SRD 63317:2025

Low-voltage direct current (LVDC) industry applications Pages: 39 IEC 63341-1:2025 Railway applications - Hydrogen and fuel cell systems for rolling stock - Part 1: Fuel cell power system Pages: 63 IEC 63369-1:2025 PRV Carbon footprint calculation applicable to industrial lithium-ion batteries - Part 1: General requirements and methodology Pages: 55 IEC 63372:2025 PRV Quantification and communication of carbon footprint, GHG emission reductions and avoided emissions from electric and electronic products and systems - Principles, methodologies, requirements and guidance Pages: 85 IEC 63374:2025 Nuclear power plants - Instrumentation systems important to safety - Characteristics and test methods of nuclear reactor reactivity meters Pages: 18 IEC TS 63406:2025 Generic RMS simulation models of inverter-based generators for power system dynamic analysis Pages: 34 IEC 63435:2025 Nuclear facilities - Human machine interfaces - Operator support systems Pages: 33	IEC 63478-2:2025 User's quality of experience on multimedia conferencing services - Part 2: Requirements Pages: 31 IEC TR 63511:2025 Remote control and remote assistance system in home and local area Pages: 25 IEC 63522-1:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 1: Visual inspection and check of dimensions Pages: 8 IEC 63522-10:2025 Electrical relays - Tests and measurements - Part 10: Heating Pages: 22 IEC TS 81001-2-2:2025 Health software and health IT systems safety, effectiveness and security - Part 2-2: Coordination - Guidance for the implementation, disclosure and communication of security needs, risks and controls Pages: 103 ISO/IEC 8803:2025 Information technology - 3D Printing and scanning - Accuracy and precision evaluation process for modelling from 3D scanned data Pages: 25 ISO/IEC 19566-10:2024/AMD1:2025 Information technology - JPEG Systems - Part 10: Reference software - Amendment 1: Additional reference software implementations	AMENDMENT Pages: 63 ISO/IEC 19757-3:2025 Information technology - Document Schema Definition Languages (DSDL) - Part 3: Rule-based validation using Schematron Pages: 51 Replaces: ISO/IEC 19757-3:2020 ISO/IEC 21122-5:2025 Information technology - JPEG XS low-latency lightweight image coding system - Part 5: Reference software Pages: 14 Replaces: ISO/IEC 21122-5:2022 ISO/IEC 23000-22:2025/AMD1:2025 Information technology - Multimedia application format (MPEG-A) - Part 22: Multi-image application format (MIAF) - Amendment 1: Implementation based technologies for MIAF AMENDMENT Pages: 3 Replaces: ISO/IEC 23000-22:2019/AMD2:2021 ISO/IEC 23001-10:2020/AMD2:2025 Information technology - MPEG systems technologies - Part 10: Carriage of timed metadata metrics of media in ISO base media file format - Amendment 2: Support for display attenuation map AMENDMENT Pages: 6 Replaces: ISO/IEC 23001-10:2015
---	---	--

ISO/IEC 23008-6:2025

Information technology - High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments - Part 6: 3D audio reference software
Pages: 4

Replaces: ISO/IEC 23008-6:2021/AMD1:2024

ISO/IEC 23008-12:2025/AMD1:2025

Information technology - High efficiency coding and media delivery in heterogeneous environments - Part 12: Image File Format - Amendment 1: Support for tone map derivation and other technologies
AMENDMENT

Pages: 24

Replaces: ISO/IEC 23008-12:2022

ISO/IEC TS 23220-6:2025

Cards and security devices for personal identification - Building blocks for identity management via mobile devices - Part 6: Mechanism for use of certification on trustworthiness of secure area

Pages: 35

ISO/IEC 24791-5:2025

Information technology - Radio frequency identification for item management software system infrastructure - Part 5: Device interface

Pages: 18

Replaces: ISO/IEC 24791-5:2012

ISO/IEC TR 25005-2:2025

Information technology - Data use in smart cities - Part 2: Use

case analysis and common considerations

Pages: 56

ISO/IEC 25642:2025

Information technology - Data governance - Data collaboration framework

Pages: 6

ISO/IEC 27404:2025

Cybersecurity - IoT security and privacy - Cybersecurity labelling framework for consumer IoT

Pages: 63

ISO/IEC 27701:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection - Privacy information management systems - Requirements and guidance

Pages: 64

Replaces: ISO/IEC 27701:2019

ISO/IEC 27706:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection - Requirements for bodies providing audit and certification of privacy information management systems

Pages: 34

❖ **TIÊU CHUẨN BS****BS ISO 21433:2025**

Plain bearings. Handling of plain bearings

BS EN ISO 5577:2025

Non-destructive testing. Ultrasonic testing. Vocabulary
Replace: BS EN ISO 5577:2017

BS EN 15416-1:2025

Adhesives for load bearing timber structures other than

phenolic and aminoplastic. Test methods - Long-term tension load test perpendicular to the bond line at varying climate conditions with specimens perpendicular to the glue line (Glass house test)

BS EN 13763-6:2025

Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to cracking of leading wires

BS EN ISO 4064-5:2025

Water meters for cold potable water and hot water - Installation requirements
Replace: BS EN ISO 4064-5:2017+A11:2022

BS ISO 3842:2006+A1:2025

Road vehicles. Fifth wheels. Interchangeability

BS EN ISO 17573-2:2025

Electronic fee collection. System architecture for vehicle related tolling - Vocabulary

BS ISO 14533-3:2025

Processes, data elements and documents in commerce, industry and administration. Long-term signature - Profiles for PDF Advanced Electronic Signatures (PADES)

BS EN 15273-4:2025

Railway applications. Gauges - Catalogue of defined gauges

BS EN 15273-3:2025

Railway applications. Gauges - Infrastructure
Replace: BS EN 15273-3:2013+A1:2016

BS ISO 1008:2025

Photography. Unprocessed photographic papers. Sheet dimensions

Replace: BS ISO 1008:1992

BS ISO 18488:2025

Polyethylene (PE) materials for piping systems. Determination of strain hardening modulus in relation to slow crack growth. Test method

BS EN 12492:2025

Mountaineering equipment. Helmets for mountaineers. Safety requirements and test methods

Replace: BS EN 12492:2012

BS ISO 4898:2025

Rigid cellular plastics. Thermal insulation products for buildings. Specifications

BS EN 13763-27:2025

Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Test methods for electronic initiation systems

BS EN 13476-3:2025

Plastics piping systems for non-pressure underground drains and sewers. Structured-wall piping systems of unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE) -

Specifications for pipes and fittings with smooth internal and profiled external surface and the system, Type B

Replace: BS EN 13476-3:2018+A1:2020

BS EN ISO 15608:2025

Welding. Grouping system for metallic materials

Replace: PD CEN ISO/TR 15608:2017

BS EN 16128:2025

Ophthalmic optics. Reference method for the testing of

spectacle frames and sunglasses for nickel release

Replace: BS EN 16128:2015

BS ISO/IEC 24791-5:2025

Information technology. Radio frequency identification for item management software system infrastructure - Device interface

BS EN 1815:2025

Resilient, modular mechanical locked floor coverings (MMF) and laminate floor coverings. Assessment of static electrical propensity

Replace: BS EN 1815:2016

BS ISO 16075-7:2025

Guidelines for treated wastewater use for irrigation projects - Golf courses and other sports fields

BS ISO/IEC 27404:2025

Cybersecurity. IoT security and privacy. Cybersecurity labelling framework for consumer IoT

BS ISO 16473:2025

Healthcare organization management. Pandemic response. Response resource information management

BS EN ISO 17508:2025

Packaging. Transport packaging for dangerous goods.

Compatibility testing of polyethylene, fluorinated polyethylene and co-extruded plastic

BS EN ISO 19085-13:2025

Woodworking machines. Safety - Multi-blade rip sawing machines with manual loading and/or unloading

Replace: BS EN ISO 19085-13:2020

BS EN ISO 7726:2025

Ergonomics of the thermal environment. Instruments for measuring and monitoring physical quantities

Replace: BS EN ISO 7726:2001

BS EN 15273-2:2025

Railway applications. Gauges - Rolling stock

Replace: BS EN 15273-2:2013+A1:2016

BS EN 50286:2025

Electrical insulating protective clothing for low-voltage installations

BS EN IEC 60079-45:2025

Explosive atmospheres - Electrical ignition systems for internal combustion engines

BS ISO 31657-4:2025

Plain bearings. Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions -

Permissible operational parameters for calculation of multi-lobed and tilting pad journal bearings

BS ISO 31657-3:2025

Plain bearings. Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions -

Characteristic values for calculation of tilting pad journal bearings

BS ISO 31657-2:2025

Plain bearings. Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions -

Characteristic values for calculation of multilobed journal bearings

BS ISO 31657-1:2025

Plain bearings. Hydrodynamic plain journal bearings under steady-state conditions -

Calculation of multi-lobed and tilting pad journal bearings

BS EN IEC 60645-7:2025

Electroacoustics. Audiometric equipment - Instruments for the measurement of auditory evoked potentials

Replace: BS EN IEC 60645-3:2020

BS EN IEC 60794-1-110:2025

Optical fibre cables - Generic specification. Basic optical cable test procedures. Mechanical tests methods. Kink, Method E10

BS EN IEC 63522-34:2025

Electrical relays. Tests and measurements - Fluid contamination

BS EN IEC 63522-33:2025

Electrical relays. Tests and measurements - Continuity of protective earthing connection

BS EN IEC 61169-23:2025

Radio-frequency connectors - Pin and socket connector for use with 3,5 mm rigid precision coaxial lines with inner diameter of outer conductor of 3,5 mm (0,1378 in)

BS EN IEC 63522-31:2025

Electrical relays. Tests and measurements - Magnetic remanence

BS EN ISO 8739:2025

Fasteners. Parallel grooved pins, with pilot point. Full-length diamond grooves

Replace: BS EN ISO 8739:1998

BS EN 17860-6:2025

Carrier Cycles - Passenger transport

BS ISO 9276-1:2025

Representation of results of particle size analysis - Graphical representation

BS EN ISO/IEC 27701:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection. Privacy information management systems.

Requirements and guidance

BS ISO 7303:2025

Simplified method for prediction of the oral bioaccessibility of metals and metalloids in soils

BS ISO 8939:2025

Decommissioning of medical cyclotron

BS EN IEC 63522-54:2025

Electrical relays. Tests and measurements - Critical DC load current test

BS EN ISO/IEC 27706:2025

Information security, cybersecurity and privacy protection. Requirements for bodies providing audit and certification of privacy information management systems

BS EN 13631-14:2025

Explosives for civil uses.

Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Verification of the velocity of detonation of explosives for blasting

BS EN 13938-4:2025

Explosives for civil uses.

Propellants and rocket propellants - Determination of the burning rate of solid gun propellants and black powder

BS EN 13763-17:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord

relays - Verification of the no-fire current of electric detonators

BS EN 13763-19:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of all-fire impulse and no-fire impulse of electric detonators

BS EN 13763-13:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of the resistance to electrostatic discharge (ESD) of electric and electronic detonators

BS EN 13763-2:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of thermal stability of detonators, surface connectors, detonating cord relays and shock tubes

BS EN 13631-5:2025

Explosives for civil uses.

Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Verification of the resistance to water of explosives for blasting and boosters

BS EN 13631-6:2025

Explosives for civil uses.

Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Verification of the resistance to hydrostatic pressure of explosives for blasting and boosters

BS EN 13630-10:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Determination of the index of initiating capability of detonating cords

BS ISO 18383:2025

Digital imaging. Specification guideline for digital cameras
BS ISO 17540:2025

Space systems. Liquid rocket engines and test stands.

Vocabulary

BS EN 13630-5:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of resistance to abrasion of detonating cords
BS EN 13763-5:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to cutting damage of leading wires and shock tubes
BS EN 1555-2:2025

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels — Polyethylene (PE) - Pipes
Replace: BS EN 1555-2:2021

BS EN IEC 63208:2025

Low-voltage switchgear and controlgear and their assemblies. Security requirements

BS EN IEC 61400-5:2020+A1:2025

Wind energy generation systems - Wind turbine blades
BS EN 16616:2022+A1:2025

Chemical disinfectants and antiseptics. Chemical-thermal textile disinfection. Test method and requirements (phase 2, step 2)

BS EN 50566:2017+A2:2025

Product standard to demonstrate the compliance of wireless communication devices with the basic restrictions and exposure limit values related to human exposure to electromagnetic fields in the

frequency range from 30 MHz to 6 GHz: hand-held and body mounted devices in close proximity to the human body
Replace: BS EN

50566:2017+A1:2023

BS EN 18074:2025

Industrial decarbonization. Requirements and guidelines for sectoral transition plans
BS EN 18092:2025

Design-for-recycling guidelines for plastic construction products. Insulation products of expanded polystyrene (EPS)
BS EN 17213:2020+A1:2025

Windows and doors.

Environmental Product Declarations. Product category rules complementary to EN 15804 for windows and pedestrian doorsets

BS EN IEC 60335-2-58:2025+A11:2025

Household and similar electrical appliances. Safety - Particular requirements for commercial electric dishwashing machines
Replace: BS EN 60335-2-58:2005+A12:2016

BS ISO 8528-4:2025

Reciprocating internal combustion engine driven alternating current generating sets - Controlgear and switchgear

Replace: BS ISO 8528-4:2005

BS ISO 20383:2025

Tractors and machinery for agriculture. Speed Identification Sign (SIS)

BS EN 13630-7:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety

fuses - Verification of reliability of initiation of detonating cords
BS EN 13857-1:2025

Explosives for civil uses - Vocabulary

BS EN 13630-6:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of resistance to tension of detonating cords
BS EN 13630-11:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Determination of velocity of detonation of detonating cords

BS EN 13630-8:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of resistance to water

BS EN 13630-12:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Determination of burning duration of safety fuses
BS EN 13630-4:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of insensitiveness to impact of detonating cords

BS EN 13630-3:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of insensitiveness to friction of the core of detonating cords

BS EN 13763-6:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to cracking of leading wires

BS EN 13631-10:2025

Explosives for civil uses. Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Verification of the means of initiation of explosives for blasting and boosters BS EN 13631-11:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to vibration of plain and semi-finished detonators BS EN 13763-9:2025	piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Valves BS EN ISO 23387:2025
Explosives for civil uses. Explosives for blasting, boosters and explosive substances - Verification of the transmission of detonation of cartridged explosives for blasting BS EN 13763-20:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to bending of detonators BS EN 13763-11:2025	Building information modelling (BIM). Data templates for objects used in the life cycle of assets BS IEC 60092-302-2:2025
Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of total electrical resistance of electric detonators BS EN 13763-21:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to damage by dropping of detonators, detonating cord relays and surface connectors BS EN 13763-15:2025	Electrical installations in ships - Low voltage switchgear and controlgear assemblies. Marine power Replace: BS IEC 60092-302-2:2019 BS EN ISO 9073-8:2025
Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of flash-over voltage of electric detonators BS EN 13763-22:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of equivalent initiating capability of electric, non-electric and electronic detonators BS EN 13763-16:2025	Nonwovens. Test methods - Determination of liquid strike-through time (simulated urine) for nonwoven coverstocks BS EN 18079:2025
Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of capacitance, insulation resistance and insulation breakdown of leading wires BS EN 13763-4:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of delay time accuracy of electric and non-electric detonators, surface connectors and detonating cord relays BS EN 13763-18:2025	Wood-based panels. Determination of free melamine applying extraction and high-performance liquid chromatography (HPLC) with ultraviolet detection BS IEC 62783-2:2025
Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to abrasion of leading wires and shock tubes BS EN 13763-7:2025	Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of the series firing current of electric detonators BS EN ISO 16486-4:2025	Twinox cables for digital communications - Family specification. Cable for Ethernet-over-twinax physical interfaces BS IEC 60092-301:2025
Explosives for civil uses. Detonators and detonating cord relays - Verification of pull-out resistance of detonators BS EN 13763-8:2025	Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels. Unplasticized polyamide (PA-U)	Electrical installations in ships - Equipment. Generators and motors BS EN ISO 23308-2:2025
		Energy efficiency of industrial trucks. Test methods - Operator-controlled self-propelled trucks, burden and personnel carriers and towing tractors BS EN ISO 23308-3:2025

Energy efficiency of industrial trucks. Test methods -

Container handling lift trucks

BS EN 13630-2:2025

Explosives for civil uses.

Detonating cords and safety fuses - Verification of thermal stability

BS EN 13763-12:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of resistance to hydrostatic pressure of detonators, detonating cord relays and surface connectors

BS EN 14620-5:2025

Design and manufacture of site built, vertical, cylindrical, flat-bottomed tank systems for the storage of refrigerated, liquefied gases with operating temperatures between 0 °C and -196 °C - Testing, drying, purging and cool-down

BS EN 13631-3:2025

Explosives for civil uses.

Explosives for blasting, boosters and explosive substances -

Verification of the insensitiveness to friction of explosives for blasting and explosive substances

BS EN 13763-23:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of the shock wave velocity of shock tubes

BS EN 13763-25:2025

Explosives for civil uses.

Detonators and detonating cord relays - Verification of transfer capability of detonating cord relays, surface connectors and coupling accessories

BS EN 13938-5:2025

Explosives for civil uses.

Propellants and rocket propellants - Verification of safe functioning of solid rocket propellants used in small rocket motors

BS EN 13476-1:2025

Plastics piping systems for non-pressure underground drains and sewers. Structured-wall piping systems of plasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE) - General requirements and performance characteristics

Replace: BS EN 13476-1:2018

BS EN 13476-2:2025

Plastics piping systems for non-pressure underground drains and sewers. Structured-wall piping systems of unplasticized poly(vinyl chloride) (PVC-U), polypropylene (PP) and polyethylene (PE) -

Specifications for pipes and fittings with smooth internal and external surface and the system, Type A

Replace: BS EN 13476-2:2018+A1:2020

BS EN ISO 3210:2025

Anodizing of aluminium and its alloys. Assessment of quality of sealed anodic oxidation coatings by measurement of the loss of mass after immersion in acid solution(s)

Replace: BS EN ISO 3210:2017

BS EN 15416-3:2025

Adhesives for load bearing timber structures other than phenolic and aminoplastic. Test methods - Creep deformation

test at cyclic climate conditions with specimens loaded in bending shear

Replace: BS EN 15416-3:2017+A1:2019

BS EN ISO 9806:2025

Solar energy. Solar thermal collectors. Test methods

BS EN 1555-3:2025

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels.

Polyethylene (PE) - Fittings

Replace: BS EN 1555-3:2021

BS EN 1555-4:2025

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels.

Polyethylene (PE) - Valves

Replace: BS EN 1555-4:2021

BS EN ISO 16122-4:2025

Agricultural and forestry machinery. Inspection of sprayers in use - Fixed and semi-mobile sprayers

BS EN ISO 16122-2:2025

Agricultural and forestry machinery. Inspection of sprayers in use - Horizontal boom sprayers

Replace: BS EN ISO 16122-2:2015

BS EN ISO 15613:2025

Specification and qualification of welding procedures for metallic materials. Qualification based on a pre-production welding test

Replace: BS EN ISO 15613:2004

BS EN 18100:2025

Mountaineering equipment.

Helmets for ski mountaineers.

Safety requirements and test methods

BS EN 50342-5:2025

Lead-acid starter batteries -
Mechanical properties of
battery housings and handles
BS ISO 18821:2025

Ships and marine technology.
Marine combined connecting
mooring line
BS EN ISO/ASTM 52929:2025

Additive manufacturing of
metals. Powder bed fusion.
Presentation of material
properties in material data
sheets

BS EN ISO 13680:2025
Oil and gas industries including
lower carbon energy. Corrosion-
resistant alloy seamless
products for use as casing,
tubing, coupling stock and
accessory material. Technical
delivery conditions
Replace: BS EN ISO 13680:2020

BS EN 17860-4:2025
Carrier Cycles - Heavyweight
carrier cycles. Mechanical and
functional aspects

BS ISO 18719:2025
Fine ceramics (advanced
ceramics, advanced technical
ceramics). Methods for chemical
analysis of impurities in yttrium
oxide powders using inductively
coupled plasma-optical
emission spectrometry

BS EN 17915:2025
Chemical disinfectants and
antiseptics. Quantitative non-
porous surface test without
mechanical action for the
evaluation of virucidal activity
of chemical disinfectants used in
the food, industrial, domestic
and institutional area. Test
method and requirements
(phase 2, step 2)

BS EN 16474:2025
Plastics and rubber machines.
Tyre curing machines. Safety
requirements

BS ISO 24548:2025
Rare earth. Determination of
moisture content in rare earth
products. Gravimetric method
BS ISO 24505-2:2025

Ergonomics. Accessible design -
Colour combinations for people
with colour deficiency and low
vision

BS EN ISO 23308-1:2025
Energy efficiency of industrial
trucks — Test methods -
General

BS EN ISO 9917-1:2025
Dentistry. Water-based cements
- Acid-base cements
Replace: BS EN ISO 9917-
1:2007

BS EN 13631-4:2025
Explosives for civil uses.
Explosives for blasting, boosters
and explosive substances -
Verification of the
insensitiveness to impact of
explosives for blasting and
explosive substances

BS EN 13631-13:2025
Explosives for civil uses.
Explosives for blasting, boosters
and explosive substances -
Verification of density

BS EN 13763-24:2025
Explosives for civil uses.
Detonators and detonating cord
relays - Verification of electrical
non-conductivity of shock tubes

BS EN 13938-3:2025
Explosives for civil uses.
Propellants and rocket
propellants - Verification of
deflagration to detonation

transition of solid gun
propellants
BS EN ISO 19581:2025
Measurement of radioactivity.
Gamma emitting radionuclides.
Rapid screening method using
scintillation detector gamma-
ray spectrometry
**BS EN ISO/IEEE 11073-
10472:2025**

Health informatics. Device
interoperability - Personal
health device communication.
Device specialization.
Medication monitor
**BS EN ISO/IEEE 11073-
10425:2025**

Health informatics. Device
interoperability - Personal
health device communication.
Device specialization.
Continuous Glucose Monitor
(CGM)
Replace: BS EN ISO 11073-
10425:2019

BS EN ISO 1120:2025
Conveyor belts. Determination
of strength of mechanical
fastenings for textile conveyor
belts. Static test method
Replace: BS EN ISO 1120:2012
BS ISO 4323:2025

Surface active agents. Soaps.
Determination of chloride
content by potentiometric
method
Replace: BS ISO 4323:2018

BS EN ISO 16122-1:2025
Agricultural and forestry
machinery. Inspection of
sprayers in use - General
BS ISO 16355-3:2025
Applications of statistical and
related methods to new
technology and product

development process -
Quantitative approaches for the
acquisition of voice of customer
and voice of stakeholder

❖ **TIÊU CHUẨN ASTM**

ASTM F631-15(2025)

Standard Guide for Collecting
Skimmer Performance Data in
Controlled Environments

Pages: 5

Replace : ASTM F631-15(2020)

ASTM F3778-25

Standard Specification for
Poly(Vinyl Chloride) (PVC)
Storm Sewer Basins for Gravity
Flow

Pages: 5

ASTM F3776-25

Standard Terminology Relating
to Supply Chain Stakeholders

Pages: 4

ASTM F1962-25a

Standard Guide for Use of Maxi-
Horizontal Directional Drilling
for Placement of Polyethylene
Pipe or Conduit Under
Obstacles, Including River
Crossings

Pages: 20

Replace: ASTM F1962-25

ASTM F1778-97(2025)

Standard Guide for Selection of
Skimmers for Oil-Spill Response

Pages: 7

Replace: ASTM F1778-97(2020)

ASTM E3506-25

Standard Test Method for
Uniaxial Constant Force
Repeated Thermal Cycling of
Shape Memory Alloys

Pages: 7

ASTM E3315-25

Standard Specification for
Certification of Metallic
Materials

Pages: 3

Replace: ASTM E3315-21

ASTM E18-25

Standard Test Methods for
Rockwell Hardness of Metallic
Materials

Pages: 39

Replace: ASTM E18-24

ASTM D8603-25

Standard Specification for High-
Octane Unleaded Aviation
Gasoline Containing ETBE

Pages: 8

ASTM D8036-25

Standard Test Method for
Polyurethane Raw Materials:
Determination of Dimer Ratio in
Pure MDI

Pages: 4

Replace: ASTM D8036-
16(2025)e1

ASTM D6338-25

Standard Classification System
for Highly Crosslinked
Thermoplastic Vulcanizates
(HCTPV) Based on ASTM
Standard Test Methods

Pages: 7

Replace: ASTM D6338-17

ASTM D520-25

Standard Specification for Zinc
Dust Pigment

Pages: 2

Replace: ASTM D520-00(2019)

ASTM D1140-25

Standard Test Methods for
Determining the Amount of
Material Finer than 75- μ m (No.
200) Sieve in Soils by Washing

Pages: 6

Replace: ASTM D1140-17

ASTM C1945-25

Standard Specification for Raw
or Calcined Natural Pozzolan for
Use in Concrete

Pages: 5

Replace: ASTM C1945-24e1

ASTM C1652/C1652M- 21(2025)

Standard Test Method for
Measuring Optical Distortion in
Flat Glass Products Using Digital
Photography of Grids

Pages: 7

Replace: ASTM C1652/C1652M-
21

ASTM C1577-25

Standard Specification for
Precast Reinforced Concrete
Monolithic Box Sections for
Culverts, Storm Drains, and
Sewers Designed According to
AASHTO LRFD

Pages: 24

Replace: ASTM C1577-20e1

ASTM C156-25

Standard Test Method for Water
Loss [from a Mortar Specimen]
Through Liquid Membrane-
Forming Curing Compounds for
Concrete

Pages: 5

Replace: ASTM C156-20

ASTM C1433M-25

Standard Specification for
Precast Reinforced Concrete
Monolithic Box Sections for
Culverts, Storm Drains, and
Sewers (Metric)

Pages: 25

Replace: ASTM C1433M-22

ASTM C1433-25

Standard Specification for
Precast Reinforced Concrete
Monolithic Box Sections for
Culverts, Storm Drains, and
Sewers

Pages: 26	ASTM A1112/A1112M-25	Standard Practice for Air Soft
Replace: ASTM C1433-24	Standard Specification for Cold-	Field Operation
ASTM C1325-25	Formed Welded High Strength	Pages: 3
Standard Specification for Fiber-	Carbon Steel or High-Strength	Replace: ASTM F2940-21
Mat Reinforced Cementitious	Low-Alloy Steel Hollow	ASTM F2856-12(2025)
Backer Units	Structural Sections (HSS) in	Standard Practice for
Pages: 4	Rounds and Shapes	Transfilling and Safe Handling
Replace: ASTM C1325-22e1	Pages: 5	of Small CO2 Cylinders for Use
ASTM C1071-25	Replace:	in Paintball
Standard Specification for	ASTM A1112/A1112M-18	Pages: 6
Fibrous Glass Duct Lining	ASTM A1039/A1039M-	Replace: ASTM F2856-
Insulation (Thermal and Sound	20(2025)	12(2020)
Absorbing Material)	Standard Specification for Steel,	ASTM F2773-13(2025)
Pages: 4	Sheet, Hot Rolled, Carbon,	Standard Practice for
Replace: ASTM C1071-19	Commercial, Structural, and	Transfilling Compressed Air or
ASTM A989/A989M-25	High-Strength Low-Alloy, and	Nitrogen and Safe Handling of
Standard Specification for Hot	Ultra-High Strength, Produced	Small Paintball Cylinders
Isostatically-Pressed Alloy Steel	by Twin-Roll Casting Process	Pages: 4
Flanges, Fittings, Valves, and	Pages: 9	Replace: ASTM F2773-
Parts for High Temperature	Replace:	13(2021)
Service	ASTM A1039/A1039M-20	ASTM F2727-09(2025)
Pages: 8	ASTM F412-25a	Standard Guide for
Replace: ASTM A989/A989M-	Standard Terminology Relating	Manufacturers for Labeling
23	to Plastic Piping Systems	Headgear Products
ASTM A763-15(2025)	Pages: 21	Pages: 3
Standard Practices for Detecting	Replace: ASTM F412-25	Replace: ASTM F2727-09(2020)
Susceptibility to Intergranular	ASTM F3383-19a(2025)	ASTM F2709-19(2025)
Attack in Ferritic Stainless	Standard Test Method for	Standard Test Method for
Steels	Filament Bind of Single Fibers in	Determining a Measured
Pages: 11	Synthetic Turf	Nameplate Recovery Rate of
Replace: ASTM A763-15(2021)	Pages: 10	Stationary Oil Skimmer Systems
ASTM A707/A707M-25	Replace: ASTM F3383-19a	Pages: 5
Standard Specification for	ASTM F3206-25	Replace: ASTM F2709-19
Forged Carbon and Alloy Steel	Standard Guide for Assessing	ASTM F2653-16(2025)
Flanges for Low-Temperature	Medical Device	Standard Specification for
Service	Cytocompatibility with	Paintball Valve Male Threaded
Pages: 6	Delivered Cellular Therapies	Connection for Use with
Replace:	Pages: 4	Approved Cylinders
ASTM A707/A707M-19	Replace: ASTM F3206-17	Pages: 3
ASTM A424/A424M-25	ASTM F2941-21(2025)	Replace: ASTM F2653-16(2020)
Standard Specification for Steel,	Standard Practice for Air Soft	ASTM F2553-16(2025)
Sheet, for Porcelain Enameling	Player Safety Briefing	Standard Specification for
Pages: 4	Pages: 3	Warnings on Refillable CO2
Replace:	Replace: ASTM F2941-21	Cylinders Used In the Sport of
ASTM A424/A424M-18	ASTM F2940-21(2025)	Paintball

Pages: 3
 Replace: ASTM F2553-16(2020)
ASTM F2436-14(2025)
 Standard Test Method for Measuring the Performance of Synthetic Rope Rescue Belay Systems Using a Drop Test
 Pages: 8
 Replace:
 ASTM F2436-14(2019)
ASTM F2306/F2306M-25
 Standard Specification for 300 mm to 1500 mm [12 in. to 60 in.] Annular Corrugated Profile-Wall Polyethylene (PE) Pipe and Fittings for Non-Pressure Gravity-Flow Storm Sewer and Subsurface Drainage Applications
 Pages: 9
 Replace:
 ASTM F2306/F2306M-21
ASTM F2291-25c
 Standard Practice for Design of Amusement Rides and Devices
 Pages: 70
 Replace: ASTM F2291-25b
 ASTM F2260-18(2025)
 Standard Test Method for Determining Degree of Deacetylation in Chitosan Salts by Proton Nuclear Magnetic Resonance (1H NMR) Spectroscopy
 Pages: 6
 Replace: ASTM F2260-18
ASTM F2064-25
 Standard Guide for Characterization and Testing of Alginates as Starting Materials Intended for Use in Biomedical and Tissue-Engineered Medical Product Applications
 Pages: 9

Replace: ASTM F2064-17
ASTM E708-25
 Standard Specification for Waste Glass as a Raw Material for the Manufacture of Glass Containers
 Pages: 2
 Replace: ASTM E708-79(2017)
ASTM E3512-25
 Standard Test Method for Quantitatively Evaluating the Efficacy of Antimicrobial Products on Hard, Non-Porous Surfaces Against Bacteria
 Pages: 14
ASTM E3303-21(2025)
 Standard Practice for Generating Pavement Surface Cracking Indices from Digital Images
 Pages: 8
 Replace: ASTM E3303-21
ASTM E3030-25
 Standard Digital Reference Images for Heavy-Walled (2 to 412 in. (50.8 to 114 mm)) Steel Castings
 Pages: 5
 Replace: ASTM E3030-19e1
ASTM E2784-25e1
 Standard Test Method for Evaluation of the Effectiveness of Handwash Formulations Using the Paper Towel (Palmar) Method of Hand Contamination
 Pages: 7
 Replace: ASTM E2784-25
ASTM E2624-17(2025)
 Standard Practice for Torque Calibration of Testing Machines
 Pages: 9
 Replace: ASTM E2624-17
ASTM E2583-07(2025)
 Standard Test Method for Measuring Deflections with a

Light Weight Deflectometer (LWD)
 Pages: 3
 Replace: ASTM E2583-07(2020)
ASTM D87-25
 Standard Test Method for Melting Point of Petroleum Wax (Cooling Curve)
 Pages: 5
 Replace: ASTM D87-09(2018)
ASTM D6661-25
 Standard Practice for Field Collection of Organic Compounds from Surfaces Using Wipe Sampling
 Pages: 3
 Replace: ASTM D6661-17
ASTM D5858-96(2025)
 Standard Guide for Calculating in situ Equivalent Elastic Moduli of Pavement Materials Using Layered Elastic Theory
 Pages: 7
 Replace: ASTM D5858-96(2020)
ASTM D5704-25
 Standard Test Method for Evaluation of the Thermal and Oxidative Stability of Lubricating Oils Used for Manual Transmissions and Final Drive Axles
 Pages: 19
 Replace: ASTM D5704-24
ASTM D4694-09(2025)
 Standard Test Method for Deflections with a Falling-Weight-Type Impulse Load Device
 Pages: 3
 Replace: ASTM D4694-09(2020)
ASTM D4483-25
 Standard Practice for Evaluating Precision for Test Method

Standards in the Rubber and Carbon Black Manufacturing Industries

Pages: 60

Replace: ASTM D4483-20

ASTM D127-25

Standard Test Method for Drop Melting Point of Petroleum Wax, Including Petrolatum

Pages: 9

Replace: ASTM D127-19

ASTM C927-25a

Standard Test Method for Lead and Cadmium Extracted from the Lip and Rim Area of Glass Tumblers Externally Decorated with Ceramic Glass Enamels

Pages: 4

Replace: ASTM C927-25

ASTM C1616-25

Standard Test Method for Determining the Moisture Content of Organic and Inorganic Insulation Materials by Weight

Pages: 2

Replace:

ASTM C1616-07(2018)

ASTM C1375-25

Standard Guide for Substrates Used in Testing Building Seals and Sealants

Pages: 3

Replace: ASTM C1375-00(2020)

ASTM C1369-25

Standard Specification for Secondary Edge Sealants for Structurally Glazed Insulating Glass Units

Pages: 3

Replace: ASTM C1369-24

ASTM C1315-25

Standard Specification for Liquid Membrane-Forming Compounds Having Special

Properties for Curing and Sealing Concrete

Pages: 5

Replace: ASTM C1315-19

ASTM C125-25b

Standard Terminology Relating to Concrete and Concrete Aggregates

Pages: 10

Replace: ASTM C125-25a

ASTM A918-25

Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-Nickel Alloy Coated by the Electrolytic Process for Applications Requiring Designation of the Coating Mass on Each Surface

Pages: 3

Replace: ASTM A918-06(2019)

ASTM A875/A875M-25

Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-5 % Aluminum Alloy-Coated by the Hot-Dip Process

Pages: 12

Replace:

ASTM A875/A875M-23

ASTM A792/A792M-25

Standard Specification for Steel Sheet, 55 % Aluminum-Zinc Alloy-Coated by the Hot-Dip Process

Pages: 9

Replace:

ASTM A792/A792M-23

ASTM A761/A761M-25

Standard Specification for Corrugated Steel Structural Plate, Zinc-Coated, for Field-Bolted Pipe, Pipe-Arches, and Arches

Pages: 12

Replace:

ASTM A761/A761M-24

ASTM A653/A653M-25

Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-Coated (Galvanized) or Zinc-Iron Alloy-Coated (Galvannealed) by the Hot-Dip Process

Pages: 15

Replace:

ASTM A653/A653M-23

ASTM A463/A463M-25a

Standard Specification for Steel Sheet, Aluminum-Coated, by the Hot-Dip Process

Pages: 7

Replace:

ASTM A463/A463M-25

ASTM A213/A213M-25

Standard Specification for Seamless Ferritic and Austenitic Alloy-Steel Boiler, Superheater, and Heat-Exchanger Tubes

Pages: 16

Replace:

ASTM A213/A213M-24

ASTM A178/A178M-25

Standard Specification for Electric-Resistance-Welded Carbon Steel and Carbon-Manganese Steel Boiler and Superheater Tubes

Pages: 4

Replace:

ASTM A178/A178M-19

ASTM A1113/A1113M-25

Standard Specification for Corrugated Steel Structural Plate, Polymer-Coated, for Field-Bolted Pipe, Pipe-Arches, and Arches

Pages: 14

Replace:

ASTM A1113/A1113M-20e1

ASTM A1046/A1046M-25

Standard Specification for Steel Sheet, Zinc-Aluminum-

Magnesium Alloy-Coated by the Hot-Dip Process Pages: 10 Replace: ASTM A1046/A1046M-24 ASTM A354-17(2025) Standard Specification for Quenched and Tempered Alloy Steel Bolts, Studs, and Other Externally Threaded Fasteners Pages: 8 Replace: ASTM A354-17e2 ASTM B234-17(2025) Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Drawn Seamless Tubes for Surface Condensers, Evaporators, and Heat Exchangers Pages: 7 Replace: ASTM B234-17 ASTM B788/B788M-09(2025) Standard Practice for Installing Factory-Made Corrugated Aluminum Culverts and Storm Sewer Pipe Pages: 5 Replace: ASTM B788/B788M-09(2020) ASTM B955/B955M-25 Standard Specification for Aluminum-Alloy Centrifugal Castings Pages: 11 Replace: ASTM B955/B955M-18 ASTM C1521-19(2025) Standard Practice for Evaluating Adhesion of Installed Weatherproofing Sealant Joints Pages: 7 Replace: ASTM C1521-19(2020) ASTM C1620-25	Standard Specification for Aerosol Polyurethane and Aerosol Latex Foam Sealants Pages: 4 Replace: ASTM C1620-16(2023) ASTM C172/C172M-25 Standard Practice for Sampling Freshly Mixed Concrete Pages: 3 Replace: ASTM C172/C172M-17 ASTM C1850-17(2025) Standard Guide for Improved Laboratory Accelerated Tests to Predict the Weathering and for Use in Developing Protocols to Predict the Design Life of Building Sealant Systems Pages: 5 Replace: ASTM C1850-17(2021) ASTM C716-06(2025) Standard Specification for Installing Lock-Strip Gaskets and Infill Glazing Materials Pages: 4 Replace: ASTM C716-06(2020) ASTM C771-14(2025) Standard Test Method for Weight Loss After Heat Aging of Preformed Tape Sealants Pages: 2 Replace: ASTM C771-14(2019) ASTM C772-03(2025) Standard Test Method for Oil Migration or Plasticizer Bleed-Out of Preformed Tape Sealants Pages: 2 Replace: ASTM C772-03(2019) ASTM C964-20(2025) Standard Guide for Lock-Strip Gasket Glazing Pages: 11 Replace: ASTM C964-20 ASTM D1833-25	Standard Test Method for Odor of Petroleum Wax Pages: 3 Replace: ASTM D1833-87(2017) ASTM D3120-25 Standard Test Method for Trace Quantities of Sulfur in Light Liquid Petroleum Hydrocarbons by Oxidative Microcoulometry Pages: 10 Replace: ASTM D3120-08(2019) ASTM D4265-25 Standard Guide for Evaluating Stain Removal Performance in Home Laundering Pages: 8 Replace: ASTM D4265-21 ASTM D5079-25 Standard Practices for Preserving and Transporting Rock Core Samples Pages: 10 Replace: ASTM D5079-08 ASTM D6756-25 Standard Test Method for Determination of the Red Dye Concentration and Estimation of the ASTM Color of Diesel Fuel and Heating Oil Using a Portable Visible Spectrophotometer Pages: 10 Replace: ASTM D6756-17 ASTM D6913/D6913M-17(2025) Standard Test Methods for Particle-Size Distribution (Gradation) of Soils Using Sieve Analysis Pages: 34 Replace: ASTM D6913/D6913M-17 ASTM D7356/D7356M-25
--	--	--

Standard Test Method for Accelerated Acid Etch Weathering of Automotive Clearcoats Using a Xenon-Arc Exposure Device

Pages: 9

Replace:

ASTM D7356/D7356M-19

ASTM D937-25

Standard Test Method for Cone Penetration of Petrolatum

Pages: 3

Replace: ASTM D937-07(2019)

ASTM E1871-25

Standard Guide for Serving Protocol for Sensory Evaluation of Foods and Beverages

Pages: 8

Replace: ASTM E1871-17

ASTM E2075/E2075M-15(2025)

Standard Practice for Verifying the Consistency of AE-Sensor Response Using an Acrylic Rod

Pages: 4

Replace: ASTM E2075/E2075M-15(2020)

ASTM E2203-14(2025)

Standard Specification for Dense Thermoplastic Elastomers Used for Compression Seals, Gaskets, Setting Blocks, Spacers and Accessories

Pages: 7

Replace: ASTM E2203-14(2018)

ASTM E2582-21(2025)

Standard Practice for Infrared Flash Thermography of Composite Panels and Repair Patches Used in Aerospace Applications

Pages: 7

Replace: ASTM E2582-21

ASTM E539-19(2025)

Standard Test Method for Analysis of Titanium Alloys by Wavelength Dispersive X-Ray Fluorescence Spectrometry

Pages: 10

Replace: ASTM E539-19

ASTM E928-25

Standard Test Method for Purity by Differential Scanning Calorimetry

Pages: 8

Replace: ASTM E928-19

ASTM F2103-18(2025)

Standard Guide for Characterization and Testing of Chitosan Salts as Starting Materials Intended for Use in Biomedical and Tissue-Engineered Medical Product Applications

Pages: 9

Replace: ASTM F2103-18

ASTM F2602-18(2025)

Standard Test Method for Determining the Molar Mass of Chitosan and Chitosan Salts by Size Exclusion Chromatography with Multi-angle Light Scattering Detection (SEC-MALS)

Pages: 7

Replace: ASTM F2602-18

ASTM F2778-09(2025)

Standard Test Method for Measurement of Percent Crystallinity of Polyetheretherketone (PEEK) Polymers by Means of Specular Reflectance Fourier Transform Infrared Spectroscopy (R-FTIR)

Pages: 4

Replace: ASTM F2778-09(2020)

ASTM F788/F788M-20(2025)

Standard Specification for Surface Discontinuities of Bolts, Screws, Studs, and Rivets, Inch and Metric Series

Pages: 6

Replace: ASTM F788/F788M-20e1

ASTM B22/B22M-17(2025)

Standard Specification for Bronze Castings for Bridges and Turntables

Pages: 4

Replace: ASTM B22/B22M-17

ASTM B247-25

Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Die Forgings, Hand Forgings, and Rolled Ring Forgings

Pages: 13

Replace: ASTM B247-20

ASTM B247M-25

Standard Specification for Aluminum and Aluminum-Alloy Die Forgings, Hand Forgings, and Rolled Ring Forgings (Metric)

Pages: 14

Replace: ASTM B247M-20

ASTM B62-17(2025)

Standard Specification for Composition Bronze or Ounce Metal Castings

Pages: 3

Replace: ASTM B62-17

ASTM C1810/C1810M-25

Standard Guide for Comparing Performance of Concrete-Making Materials Using Mortar Mixtures

Pages: 12

Replace: ASTM C1810/C1810M-23

ASTM D1505-25

Standard Test Method for
Density of Plastics by the
Density-Gradient Technique
Pages: 7

Replace: ASTM D1505-18

ASTM D5348-95(2025)

Standard Test Method for
Determination of the Moisture
Content of Sulfonated and
Sulfated Oils by Distillation with
Xylene

Pages: 3

Replace: ASTM D5348-

95(2019)

ASTM D5560-95(2025)

Standard Test Method for
Determination of Neutral Fatty
Matter Contained in Fats and
Oils

Pages: 2

Replace: ASTM D5560-

95(2018)

ASTM D5562-95(2025)

Standard Test Method for
Determination of the Acidity as
Free Fatty Acids/Acid Number
in the Presence of Ammonium
or Triethanolamine Soaps

Pages: 2

Replace: ASTM D5562-

95(2018)

ASTM D5564-95(2025)

Standard Test Method for
Determination of the Total
Ammonia Contained in
Sulfonated or Sulfated Oils

Pages: 2

Replace: ASTM D5564-

95(2018)

ASTM D6698-25

Standard Test Method for On-
Line Measurement of Turbidity
Below 5 NTU in Water

Pages: 14

Replace: ASTM D6698-24

ASTM D7029/D7029M-24

Standard Test Method for
Determination of Reactivity of
Unsaturated Polyesters and
Vinyl Esters at 180.0°F [82.2°C]

Pages: 5

Replace: ASTM D7029-17

ASTM D7539-25

Standard Practice for Using a
Test Chamber for Humidity
Conditioning of Test Panels of
Pavement Marking Paints

Pages: 5

Replace: ASTM D7539-

10(2020)

ASTM D8599-25

Standard Practice for Reporting
Results of Exposure Tests of
Paints

Pages: 5

ASTM D8614-25

Standard Guide for Tire
Pyrolysis Oil – Testing Methods

Pages: 4

ASTM E246-25

Standard Test Methods for
Determination of Iron in Iron
Ores and Related Materials by
Dichromate Titrimetry

Pages: 9

Replace: ASTM E246-21

ASTM E247-25

Standard Test Method for
Determination of Silica in
Manganese Ores, Iron Ores, and
Related Materials by Gravimetry

Pages: 3

Replace: ASTM E247-21

ASTM E253-25a

Standard Terminology Relating
to Sensory Evaluation of
Materials and Products

Pages: 8

Replace: ASTM E253-25

ASTM E3101-18(2025)

Standard Practice for
Microwave Examination of
Polyethylene Butt Fusion Joints

Replace: ASTM E3101-18

ASTM F1313-25

Standard Specification for
Volatile N-Nitrosamine Levels in
Rubber Nipples on Pacifiers

Replace: ASTM F1313-

90(2011)

ASTM F2872-25

Standard Specification for
225/75R16C 116/114S M+S
Radial Light Truck Standard

Reference Test Tire

Pages: 5

Replace: ASTM F2872-19

ASTM F2942-25

Standard Guide for in vitro
Axial, Bending, Torsional, and
Compression Durability Testing
of Vascular Stents and Vascular
Stent-Grafts

Pages: 18

Replace: ASTM F2942-19

ASTM F3259-17(2025)

Standard Guide for Micro-
computed Tomography of
Tissue-Engineered Scaffolds

Pages: 15

Replace: ASTM F3259-17

ASTM F3287-17(2025)

Standard Test Method for
Nondestructive Detection of
Leaks in Packages by Mass
Extraction Method

Pages: 12

Replace: ASTM F3287-17e1

ASTM F3703-25

Standard Specification for
Aircraft Inflatable Restraint
Systems

Pages: 4

ASTM F3789-25

Standard Guide for Endurance Testing of Aeroplane Flight Control System Actuators and Other System Elements
Pages: 6

ASTM F511-17(2025)

Standard Test Method for Quality of Cut (Joint Tightness) of Resilient Floor Tile
Pages: 2

Replace: ASTM F511-17(2021)

ASTM G33-99(2025)

Standard Practice for Recording Data from Atmospheric Corrosion Tests of Metallic-Coated Steel Specimens
Pages: 3

Replace: ASTM G33-99(2020)

ASTM ISO/ASTM52901-17(2023)

Standard Guide for Additive Manufacturing – General Principles – Requirements for Purchased AM Parts
Pages: 7

Replace:

ASTM ISO/ASTM52901-16

ASTM E2863-25

Standard Practice for Acoustic Emission Examination of Welded Steel Sphere Pressure Vessels Using Thermal Pressurization
Pages: 7

Replace: ASTM E2863-17

ASTM F3211-17(2025)

Standard Guide for Fatigue-to-Fracture (FtF) Methodology for Cardiovascular Medical Devices
Pages: 14

Replace: ASTM F3211-17

ASTM F502-25

Standard Test Method for Effects of Cleaning and Chemical

Maintenance Materials on Painted Aircraft Surfaces

Pages: 3

Replace: ASTM F502-08(2024)

ASTM G101-04(2025)

Standard Guide for Estimating the Atmospheric Corrosion Resistance of Low-Alloy Steels
Pages: 9

Replace: ASTM G101-04(2020)

ASTM G111-21a(2025)

Standard Guide for Corrosion Tests in High Temperature or High Pressure Environment, or Both
Pages: 8

Replace: ASTM G111-21a

ASTM G37-98(2025)

Standard Practice for Use of Mattsson's Solution of pH 7.2 to Evaluate the Stress-Corrosion Cracking Susceptibility of Copper-Zinc Alloys
Pages: 4

Replace: ASTM G37-98(2021)

ASTM C1242-25b

Standard Guide for Selection, Design, and Installation of Dimension Stone Attachment Systems
Pages: 23

Replace: ASTM C1242-25a

ASTM C842-05(2025)

Standard Specification for Application of Interior Gypsum Plaster
Pages: 9

Replace: ASTM C842-05(2021)

ASTM D3240-25

Standard Test Method for Undissolved Water In Aviation Turbine Fuels
Pages: 5

Replace: ASTM D3240-22a

ASTM D5057-25

Standard Practice for Screening Apparent Specific Gravity and Bulk Density of Waste
Pages: 3

Replace: ASTM D5057-17

ASTM D6615-25

Standard Specification for Jet B Wide-Cut Aviation Turbine Fuel
Pages: 10

Replace: ASTM D6615-22

ASTM D6839-25

Standard Test Method for Hydrocarbon Types, Oxygenated Compounds, Benzene, and Toluene in Spark Ignition Engine Fuels by Multidimensional Gas Chromatography
Pages: 17

Replace: ASTM D6839-21a

ASTM D7247-25

Standard Test Method for Evaluating the Shear Strength of Adhesive Bonds in Laminated Wood Products at Elevated Temperatures
Pages: 6

Replace: ASTM D7247-17

ASTM D8623-25

Standard Practice for Environmental Odor Screening for Single, Character-Defining Odorants; Using Gas Chromatography-Mass Spectrometry Olfactometry (GC-MS-O) Analysis and On-Instrument Odor-Matching Confirmation
Pages: 15

Replace: ASTM D8623-17

ASTM E1159-15(2025)

Standard Specification for Thermocouple Materials, Platinum-Rhodium Alloys, and Platinum
Pages: 3

Replace: ASTM E1159-15(2020)e1

ASTM E1251-25

Standard Test Method for Analysis of Aluminum and Aluminum Alloys by Spark Atomic Emission Spectrometry
Pages: 10

Replace: ASTM E1251-24

ASTM E289-25

Standard Test Method for Linear Thermal Expansion of Rigid Solids with Interferometry
Pages: 9

Replace: ASTM E289-17

ASTM E3502-25

Standard Practice for Enterprise Risk Management (ERM)
Pages: 9

ASTM E492-25

Standard Test Method for Laboratory Measurement of Impact Sound Transmission Through Floor-Ceiling Assemblies Using the Tapping Machine
Pages: 11

Replace: ASTM E492-22

ASTM E641-25

Standard Methods for Testing Hydraulic Spray Nozzles Used in Agriculture
Pages: 6

Replace: ASTM E641-21

ASTM F1140/F1140M-13(2025)

Standard Test Methods for Internal Pressurization Failure Resistance of Unrestrained Packages
Pages: 5

Replace: ASTM F1140/F1140M-13(2020)e1

ASTM F1236-25b

Standard Guide for Visual Inspection of Electrical Protective Rubber Products
Pages: 22

Replace: ASTM F1236-25a

ASTM F1306-21(2025)

Standard Test Method for Slow Rate Penetration Resistance of Flexible Barrier Films and Laminates
Pages: 6

Replace: ASTM F1306-21

ASTM F2148-25

Standard Practice for Evaluation of Delayed Contact Hypersensitivity Using the Murine Local Lymph Node Assay (LLNA)
Pages: 6
Replace: ASTM F2148-18

❖ **TIÊU CHUẨN JIS**

JIS B 1855:2025

Grooved pulleys for narrow V-belts
Pages: 22

JIS B 6032:2025

Machine tools-Safety-Electrical discharge machine
Pages: 64

JIS B 7610:2025

Pressure balances
Pages: 26

JIS B 7616:2025

Operation and calibration procedures of pressure balances
Pages: 32

JIS C 4442:2025

Electrical energy storage (EES) systems-Safety requirements for grid-integrated EES systems-Performing unplanned modification of electrochemical based system

Pages: 32

JIS F 1030:2025

Small craft-Personal watercraft-Construction and system installation requirements
Pages: 32

JIS F 2615-1:2025

Ships and marine technology-Pilot ladders-Part 1: Design and specification
Pages: 24

JIS K 6266:2025

Rubber, vulcanized or thermoplastic-Determination of resistance to weathering
Pages: 60

JIS L 0204-2:2025

Glossary of terms used in fiber-Part 2: Man-made fibers
Pages: 10

❖ **TIÊU CHUẨN DIN**

DIN ISO 21538

Blanks for superabrasive cutting-off wheels - Mounting and fixing bores - Building construction and civil engineering (ISO 21538:2024)

DIN ISO 18782

Textiles - Determination of dynamic hygroscopic heat generation (ISO 18782:2023)

DIN EN 18067

Plastics - Recycled plastics - Characterization of Acrylonitrile-Butadiene-Styrene (ABS) recyclates; German version EN 18067:2025

DIN EN 18054

Food authenticity - Determination of C and/or N isotope ratios in food by Elemental Analyser - Isotope Ratio Mass Spectrometry (EA-

IRMS); German version EN 18054:2025

DIN ISO 603-8

Bonded abrasive products - Dimensions - Part 8: Grinding wheels for deburring and fettling/snagging on stationary machine (ISO 603-8:2024)

DIN ISO 603-9

Bonded abrasive products - Dimensions - Part 9: Grinding wheels for high-pressure grinding (ISO 603-9:2024)

DIN EN 14331

Liquid petroleum products - Separation and characterisation of fatty acid methyl esters (FAME) from middle distillate fuels - Liquid chromatography (LC)/gas chromatography (GC) method; German version EN 14331:2025

DIN ISO 2424

Textile floor coverings - Vocabulary (ISO 2424:202

DIN ISO 7544

Rolling bearings - Test and assessment methods for cleanliness (ISO 7544:2024)

DIN EN 892

Mountaineering equipment - Dynamic mountaineering ropes - Safety requirements and test methods; German version EN 892:2012+A3:2023

DIN EN 131-1

Ladders - Part 1: Terms, types, functional sizes; German version EN 131-1:2015+A2:2025

DIN EN 18070

Performance of wood adhesives exposed to high temperatures with regard to behaviour of load-bearing timber structures

in fire - Test method, evaluation and classification; German version EN 18070:2025

DIN EN 15895

Powder actuated hand-held fixing and hard marking tools - Safety requirements; German version EN 15895:2025

DIN EN 16163

Conservation of cultural heritage - Guidelines and procedures for choosing appropriate lighting for indoor exhibitions; German version EN 16163:202

DIN 19293

Non-destructive testing - Evaluation of testing data - Guideline to estimate the reliability of applications; Text in English

DIN EN ISO 703

Conveyor belts - Transverse flexibility (troughability) - Test method (ISO 703:2025); German version EN ISO 703:2025

DIN EN ISO 8536-16

Infusion equipment for medical use - Part 16: Infusion sets for single use with volumetric infusion controllers (ISO 8536-16:2025); German version EN ISO 8536-16:2025

DIN EN ISO 19490

Dentistry - Sinus membrane elevator (ISO 19490:2025); German version EN ISO 19490:202

DIN EN 15347-3

Plastics - Sorted plastics wastes - Part 3: Quality grades of sorted polypropylene (PP) wastes and specific test methods; German version EN 15347-3:2025

DIN EN IEC 61968-9

Enterprise business function interfaces for utility operations - Part 9: Interfaces for meter reading and control (IEC 61968-9:2024); English version EN IEC 61968-9:2024

DIN EN ISO 5821

Resistance welding - Spot welding electrodes - Female electrode caps (ISO 5821:2025); German version EN ISO 5821:2025

DIN EN 10338

Hot rolled and cold rolled non-coated products of multiphase steels for cold forming - Technical delivery conditions; German version EN 10338:2025

DIN EN 15347-5

Plastics - Sorted plastics wastes - Part 5: Quality grades of sorted poly(vinyl chloride) (PVC) wastes and specific test methods; German version EN 15347-5:2025

DIN EN 131-2

Ladders - Part 2: Requirements, testing, marking; German version EN 131-2:2010+A3:2025

DIN EN ISO 7866

Gas cylinders - Refillable seamless aluminium alloy gas cylinders - Design, construction and testing (ISO 7866:2012 + Cor 1:2014 + Amd 1:2020 + Amd 2:2024); German version EN ISO 7866:2012 + AC:2014 + A1:2020 + A2:2025

DIN EN 15347-6

Plastics - Sorted plastics wastes - Part 6: Quality grades of sorted polystyrene (PS) wastes and

specific test methods; German version EN 15347-6:2025

DIN EN 131-3

Ladders - Part 3: Marking and user instructions; German version EN 131-3:2018+A1:2025

DIN EN 131-4

Ladders - Part 4: Single or multiple hinge-joint ladders; German version EN 131-4:2020+A1:2025

DIN ISO 14728-1

Rolling bearings - Linear motion rolling bearings - Part 1: Dynamic load ratings and rating life (ISO 14728-1:2017)

DIN EN 17017-1

Electronic Public Procurement - Fulfilment - Part 1: Choreographies; German version EN 17017-1:2025

DIN EN 1459-5

Rough-terrain trucks - Safety requirements and verification - Part 5: Attachment interface; German version EN 1459-5:2020+A1:2025

DIN EN ISO 877-2

Plastics - Methods of exposure to solar radiation - Part 2: Direct weathering and exposure behind window glass (ISO 877-2:2025); German version EN ISO 877-2:2025

DIN EN ISO 13855

Safety of machinery - Positioning of safeguards with respect to the approach of the human body (ISO 13855:2024); German version EN ISO 13855:2024

DIN EN ISO 16089

Machine tools - Safety - Stationary grinding machines

(ISO 16089:2025); German version EN ISO 16089:2025

DIN EN 15347-4

Plastics - Sorted plastics wastes - Part 4: Quality grades of sorted poly(ethylene terephthalate) (PET) wastes and specific test methods; German version EN 15347-4:2025

DIN EN ISO 3386-1

Polymeric materials, cellular flexible - Determination of stress-strain characteristics in compression - Part 1: Low-density materials (ISO 3386-1:2025); German version EN ISO 3386-1:2025

DIN EN ISO 25089

Leather - Tests for colour fastness - Colour fastness to sea water (ISO 25089:2025); German version EN ISO 25089:2025

DIN EN 12309-3

Gas-fired sorption appliances for heating and/or cooling with a net heat input not exceeding 70 kW - Part 3: Requirements, test conditions and test methods; German version EN 12309-3:2024

DIN EN 3719

Aerospace series - Aluminium or aluminium alloy conductors for electrical cables - Product standard; German and English version EN 3719:2025

DIN EN ISO 7979

Leather - Tests for colour fastness - Colour fastness to hydroalcoholic mixtures (ISO 7979:2025); German version EN ISO 7979:2

DIN EN ISO 22675

Prosthetics - Testing of ankle-foot devices and foot units - Requirements and test methods (ISO 22675:2024); German version EN ISO 22675:20

DIN EN 15347-2

Plastics - Sorted plastics wastes - Part 2: Quality grades of sorted polyethylene (PE) wastes and specific test methods; German version EN 15347-2:2025

DIN EN ISO 20109

Simultaneous interpreting - Equipment - Requirements (ISO 20109:2025); German version EN ISO 20109:2025

DIN EN ISO 22675

Prosthetics - Testing of ankle-foot devices and foot units - Requirements and test methods (ISO 22675:2024); German version EN ISO 22675:2025

DIN EN ISO 5840-1

Cardiovascular implants - Cardiac valve prostheses - Part 1: General requirements (ISO 5840-1:2021 + Amd 1:2025); German version EN ISO 5840-1:2021 + A1:2025

DIN EN 17098-1

Plastics - Barrier films for agricultural and horticultural soil disinfection by fumigation - Part 1: Specifications for barrier films; German version EN 17098-1:2025

DIN EN ISO 13341

Gas cylinders - Fitting of valves to gas cylinders (ISO 13341:2025); German version EN ISO 13341:2025

DIN EN ISO 9073-3

Nonwovens - Test methods - Part 3: Determination of tensile strength and elongation at

break using the strip method (ISO 9073-3:2023, Corrected version 2025-05); German version EN ISO 9073-3:2023

DIN EN 1999-1-4/NA

National Annex to DIN EN 1999-1-4:2024-11 - Eurocode 9 - Design of aluminium structures - Part 1-4: Cold-formed structural sheeting

DIN EN 131-6

Ladders - Part 6: Telescopic ladders; German version EN 131-6:2019+A1:2025

DIN EN 1459-4

Rough-terrain trucks - Safety requirements and verification - Part 4: Additional requirements for variable-reach trucks handling freely suspended loads; German version EN 1459-4:2020+A1:2025

DIN EN ISO 20768

Vapour products - Routine analytical vaping machine - Definitions and standard conditions (ISO 20768:2018 + Amd 1:2025); German version EN ISO 20768:2021 + A1:2025

DIN EN ISO 16486-4

Plastics piping systems for the supply of gaseous fuels - Unplasticized polyamide (PA-U) piping systems with fusion jointing and mechanical jointing - Part 4: Valves (ISO 16486-4:2025); German version EN ISO 16486-4:2025

DIN EN ISO 9239-1

Reaction to fire tests for floorings - Part 1: Determination of the burning behaviour using a radiant heat source (ISO 9239-1:2025);

German version EN ISO 9239-1:2025

DIN EN ISO 9239-1

Reaction to fire tests for floorings - Part 1: Determination of the burning behaviour using a radiant heat source (ISO 9239-1:2025); German version EN ISO 9239-1:2025

DIN EN 16510-2-7

Residential solid fuel burning appliances - Part 2-7: Combination appliances fired by wood logs and pellets; German version EN 16510-2-7:2025

DIN EN ISO 16701

Corrosion of metals and alloys - Corrosion in artificial atmosphere - Accelerated corrosion test involving exposure under controlled conditions of humidity cycling and intermittent spraying of a salt solution (ISO 16701:2025); German version EN ISO 16701:2025

DIN EN ISO 16701

Corrosion of metals and alloys - Corrosion in artificial atmosphere - Accelerated corrosion test involving exposure under controlled conditions of humidity cycling and intermittent spraying of a salt solution (ISO 16701:2025); German version EN ISO 16701:2025

DIN EN 15999-1

Conservation of cultural heritage - Guidelines for design of showcases for exhibition and preservation of objects - Part 1: General requirements; German version EN 15999-1:2025

DIN EN ISO 5840-3

Cardiovascular implants - Cardiac valve prostheses - Part 3: Heart valve substitutes implanted by transcatheter techniques (ISO 5840-3:2021 + Amd 1:2025); German version EN ISO 5840-3:2021 + A1:2025

DIN EN 1434-3

Thermal energy meters - Part 3: Data exchange and interfaces; German version EN 1434-3:2025

DIN EN ISO 19650-6

Organization and digitization of information about buildings and civil engineering works, including building information modelling (BIM) - Information management using building information modelling - Part 6: Health and safety information (ISO 19650-6:2025); German version EN ISO 19650-6:2025

DIN EN 15999-2

Conservation of cultural heritage - Guidelines for design of showcases for exhibition and preservation of objects - Part 2: Technical aspects; German version EN 15999-2:2025

DIN EN ISO 3884

Solid recovered fuels - Methods for the determination of the content of elements (Al, Ca, Fe, K, Mg, Na, P, S, Si, Ti, As, Ba, Be, Cd, Co, Cr, Cu, Hg, Mo, Mn, Ni, Pb, Sb, Se, Sn, Tl, V, Zn) (ISO 3884:2025); German version EN ISO 3884:202

DIN EN 10253-4

Butt-welding pipe fittings - Part 4: Wrought austenitic and austenitic-ferritic (duplex) stainless steels with specific

inspection requirements;
German version EN 10253-4:2025

DIN EN ISO 41017

Facility management - Guidance on emergency preparedness and management of an epidemic (ISO 41017:2024); German version EN ISO 41017:2024

DIN EN 1999-1-1/NA

National Annex to DIN EN 1999-1-1:2024-11 - Eurocode 9 -

Design of aluminium structures - Part 1-1: General rules

DIN EN 1999-1-1/NA

National Annex to DIN EN 1999-1-1:2024-11 - Eurocode 9 -

Design of aluminium structures - Part 1-1: General rules

DIN EN 1999-1-3/NA

National Annex to DIN EN 1999-1-3:2024-11 - Eurocode 9 -

Design of aluminium structures - Part 1-3: Structures susceptible to fatigue

DIN EN 13501-3

Fire classification of construction products and building elements - Part 3: Classification using data from fire resistance tests on products and elements used in building service installations: fire resisting ventilation ducts and fire dampers and/or power, control and communication cables; German version EN 13501-3:2025

DIN EN 13757-3

Communication systems for meters - Part 3: Application

protocols; German version EN 13757-3:2025

DIN EN 3155-001

Aerospace series - Electrical contacts used in elements of connection - Part 001: Technical specification; German and English version EN 3155-001:2025

DIN EN 4604-003

Aerospace series - Cable, electrical, for signal transmission - Part 003: Cable, coaxial, 50 ohms, 200 °C, type WZ - Product standard; German and English version EN 4604-003:2025

DIN EN 13757-7

Communication systems for meters - Part 7: Transport and security services; German version EN 13757-7:2025

DIN EN ISO 19905-1

Oil and gas industries including lower carbon energy - Site-specific assessment of mobile offshore units - Part 1: Jack-ups: elevated at a site (ISO 19905-1:2023, Corrected version 2024-07 + Amd.1:2025); English version EN ISO 19905-1:2023 + A1:2025

DIN/TS 18599-4

Energy efficiency of buildings - Calculation of the net, final and primary energy demand for heating, cooling, ventilation, domestic hot water and lighting - Part 4: Net and final energy demand for lighting

VDI/VDE 3715 Blatt 2

Data as an asset - Identifying, analysing, measuring, and evaluating business data capital - Process optimisation

❖ Tiêu chuẩn của Hiệp hội các phòng thử nghiệm được ủy quyền Mỹ (UL)

UL 4 Edition 15, 2025

Standard for Armored Cable

UL 8 Edition 7, 2025

Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers

UL 44 Edition 19, 2025

Thermoset-Insulated Wires and Cables

UL 50E Edition 3, 2025

Enclosures for Electrical Equipment, Environmental Considerations

UL 83 Edition 16, 2025

Thermoplastic-Insulated Wires and Cables

UL 98C Edition 2, 2025

Outline of Investigation for Energy Storage System Switches

UL 136 Edition 8, 2025

Standard for Pressure Cookers

UL 142 Edition 10, 2025

Standard for Steel Aboveground Tanks for Flammable and Combustible Liquids

UL 154 Edition 10, 2025

Carbon-Dioxide Fire Extinguishers

UL 207 Edition 9, 2025

Refrigerant-Containing Components and Accessories, Nonelectrical

UL 217 Edition 10, 2025

Standard for Smoke Alarms UL 246 Edition 8, 2025	UL 746B Edition 5, 2025	Standard for Burglary Resisting Glazing Material UL 977 Edition 5, 2025
Standard for Hydrants for Fire-Protection Service UL 248-14 Edition 2, 2025	Standard for Polymeric Materials - Long Term Property Evaluations UL 746G Edition 2, 2025	Standard for Fused Power-Circuit Devices UL 987 Edition 8, 2025
Standard for Low-Voltage Fuses - Part 14: Supplemental Fuses UL 248-21 Edition 1, 2025	Outline of Investigation for Non-Fluorine and Non-PFAS Containing Materials UL 793 Edition 4, 2025	Standard for Stationary and Fixed Electric Tools UL 1004-9 Edition 1, 2025
Standard for Low-Voltage Fuses - Part 21: Fuses for the Protection of Batteries and Battery Systems UL 262 Edition 8, 2025	ANSI/CAN/UL Automatically Operated Roof Vents for Smoke and Heat UL 796 Edition 12, 2025	Form Wound and Medium Voltage Rotating Electrical Machines UL 1008 Edition 9, 2025
Standard for Gate Valves for Fire-Protection Service UL 291 Edition 6, 2025	Printed Wiring Boards UL 796F Edition 4, 2025	Transfer Switch Equipment UL 1008M Edition 1, 2025
Standard for Automated Teller Systems UL 307A Edition 10, 2025	Flexible Materials Interconnect Constructions UL 842 Edition 11, 2025	Transfer Switch Equipment, Meter-Mounted UL 1026 Edition 6, 2025
Liquid Fuel-Burning Heating Appliances for Manufactured Homes and Recreational Vehicles UL 486D Edition 7, 2025	ANSI/CAN/UL/ULC Valves for Flammable and Combustible Liquids UL 854 Edition 12, 2025	Standard for Electric Household Cooking and Food Serving Appliances UL 1034 Edition 6, 2025
Sealed Wire Connector Systems UL 489I Edition 1, 2025	Standard for Service-Entrance Cables UL 858 Edition 16, 2025	Standard for Burglary-Resistant Electric Locking Mechanisms UL 1191 Edition 5, 2025
Standard for Solid State Circuit Breakers UL 514D Edition 3, 2025	Standard for Household Electric Ranges UL 869A Edition 4, 2025	Components for Personal Flotation Devices UL 1206 Edition 4, 2025
Cover Plates for Flush-Mounted Wiring Devices UL 521 Edition 8, 2025	Reference Standard for Service Equipment UL 879A Edition 1, 2025	Standard for Electric Commercial Clothes-Washing Equipment UL 1369 Edition 2, 2025
Heat Detectors for Fire Protective Signaling Systems UL 588 Edition 19, 2025	LED KITS UL 962A Edition 6, 2025	Aboveground Piping for Flammable and Combustible Liquids UL 1439 Edition 5, 2025
Standard for Seasonal and Holiday Decorative Products UL 626 Edition 8, 2025	Furniture Power Distribution Units UL 971 Edition 2, 2025	Standard for Tests for Sharpness of Edges on Equipment UL 1449 Edition 5, 2025
Water Fire Extinguishers UL 697 Edition 7, 2025	Standard for Nonmetallic Underground Piping For Flammable Liquids UL 972 Edition 6, 2025	Surge Protective Devices
Standard for Toy Transformers		

UL 1469 Edition 2, 2025

Standard for Strength of Body
and Hydraulic Pressure Loss
Testing of Backflow Special
Check Valves

UL 1565 Edition 6, 2025

Positioning Devices

UL 1598A Edition 1, 2025

Standard for Supplemental
Requirements for Luminaires
for Installation on Marine
Vessels

UL 1640 Edition 4, 2025

Standard for Portable Power-
Distribution Equipment

UL 1650 Edition 1, 2025

Portable Power Cable

UL 1682 Edition 5, 2025

Plugs, Receptacles, and Cable
Connectors of the Pin and
Sleeve Type

UL 1692 Edition 2, 2025

Standard for Polymeric
Materials - Coil Forms

UL 1699 Edition 3, 2025

Standard for Arc-Fault Circuit-
Interrupters

UL 1738 Edition 4, 2025

Venting Systems for Gas-
Burning Appliances, Categories
II, III, and IV

UL 1741 Edition 3, 2025

Standard for Inverters,
Converters, Controllers and
Interconnection System
Equipment for Use With
Distributed Energy Resources

UL 1769 Edition 5, 2025

Standard for Cylinder Valves

UL 1821 Edition 4, 2025

ANSI/CAN/UL Standard for
Thermoplastic Sprinkler Pipe
and Fittings for Fire Protection
Service

UL 1838 Edition 3, 2025

Standard for Low Voltage
Landscape Lighting Systems

UL 2040 Edition 2, 2025

Standard for Folding Rollaway
Tables

UL 2056 Edition 1, 2025

Power Banks

UL 2112 Edition 1, 2025

Subject for Venting Systems for
Use with Gas-Fired Vent
Appliances

UL 2152 Edition 1, 2025

ANSI/CAN/UL/ULC Special
Purpose Nonmetallic Containers
and Tanks for Specific
Combustible or Noncombustible
Liquids

UL 2200A Edition 1, 2025

Outline of Investigation for Fire
Containment Testing of
Stationary Engine Generator
Enclosures

UL 2263A Edition 1, 2025

Outline of Investigation for
Electric Vehicle Cable for Use in
High Power, DC Systems

UL 2272 Edition 2, 2025

Electrical Systems for Personal
E-Mobility Devices

UL 2353 Edition 3, 2025

Standard for Safety for Single-
and Multi-Layer Insulated
Winding Wire

UL 2416 Edition 1, 2025

Audio/Video, Information and
Communication Technology

Equipment Cabinet, Enclosure
and Rack Systems

UL 2460 Edition 2, 2025

Nonshielded Cable

UL 2700 Edition 1, 2025

Standard for Sustainability for
Cleaning and Cleaning Related
Products

UL 2700-1 Edition 1

Sustainability for Cleaning and
Cleaning Related Products:
Microbial-based Cleaning
Products

UL 2941 Edition 1, 2025

Outline of Investigation for
Cybersecurity of Distributed
Energy and Inverter-Based
Resources

UL 3100 Edition 1, 2025

Automated Mobile Platforms
(AMPs)

UL 3741 Edition 1, 2025

Photovoltaic Hazard Control

UL 60079- 2 Edition 6, 2025

Explosive Atmospheres - Part 2:
Equipment Protection by
Pressurized Enclosure "p"

UL 60730- 2-5 Edition 4, 2025

Automatic Electrical Controls -
Part 2-5: Particular
Requirements for Automatic
Electrical Burner Control
Systems

UL 60947- 1 Edition 6, 2025

Low-Voltage Switchgear and
Controlgear - Part 1: General
Rules

UL 61010- 2-201 Edition 2, 2025

Standard for Safety
Requirements for Electrical

Equipment for Measurement, Control, and Laboratory Use - Part 2-201: Particular Requirements for Control Equipment	UL 61215- 1 Edition 2, 2025	Standard for Smoke Alarms
Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 1: Test Requirements	UL 61215- 1-1 Edition 2, 2025	ULC 554 Edition 3, 2025
Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 1-1: Special Requirements for Testing of Crystalline Silicon Photovoltaic (PV) Modules	UL 61215- 2 Edition 2, 2025	Standard for Water Based Agent Fire Extinguishers
Terrestrial Photovoltaic (PV) Modules - Design Qualification and Type Approval - Part 2: Test Procedures		ULC 560 Edition 3, 2025
	UL 62841- 2-21, 2025	Standard for high- performance and aviation foam liquid concentrates
	Electric Motor-Operated Hand-Held Tools, Transportable Tools And Lawn And Garden Machinery - Safety - Part 2-21: Particular Requirements For Hand-Held Drain Cleaners	ULC 627 Edition 4, 2025
	ULC 302 Edition 2, 2025	Standard for space heaters for use with solid fuels
	Installation, Inspection and Testing of Intrusion Alarm Systems	ULC 642 Edition 3, 2025
	ULC 503 Edition 5, 2025	Standard for Compounds and Tape for Threaded Pipe Joints
	Standard for Carbon-Dioxide Fire Extinguishers	ULC 1369 Edition 2, 2025
	ULC 507 Edition 4, 2025	Aboveground Piping for Flammable and Combustible Liquids
	Standard for Water Fire Extinguishers	
	ULC 530 Edition 2, 2025	
	Standard for Heat Detectors for Fire Protective Signaling Systems	
	ULC 531 Edition 5, 2025	

Để đặt mua các tiêu chuẩn trên, Quý doanh nghiệp có thể liên hệ trực tiếp với Trung tâm Thông tin - Truyền thông theo số điện thoại: (024)37564268 hoặc (024)37562608; Fax: (024)38361556; Email: ismq@tcvn.gov.vn